

# THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 08/2025)



## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. Một số văn bản của các Bộ, ngành

### ĐIỂM TIN

6. Nâng cao năng lực cán bộ lĩnh vực TĐC, đảm bảo hoạt động mô hình chính quyền 2 cấp
7. Đo lường mức độ chuyển đổi số giúp doanh nghiệp phát triển bền vững
8. Chất lượng - “tấm hộ chiếu” đưa hàng Việt vươn tầm
8. Tiêu chuẩn mới phát hiện nhanh ô nhiễm vi sinh trong nhiên liệu
9. Tiêu chuẩn mới về yêu cầu cường độ của ống thép không gỉ cán nguội
10. ASTM ban hành tiêu chuẩn mới hỗ trợ phát triển thuốc RNA-LNP
11. Tiêu chuẩn quốc tế – nền tảng cho phát triển bền vững năng lượng mặt trời
12. Ba doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh Bắc Ninh tham gia xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia
13. Xu hướng “xanh hóa” ngành dầu khí nhờ ISO/TS 29001 để tăng năng suất bền vững
14. Sớm đề xuất xây dựng quy chuẩn mới cho sửa chế biến
15. QCVN 30:2025/BNNMT - Bước tiến trong quản lý môi trường
16. TCVN 14304:2025 về xoài sấy dẻo góp phần nâng cao chất lượng, thúc đẩy xuất khẩu
17. Đề xuất tiêu chuẩn đo hóa chất vĩnh cửu PFAS trong thời gian ngắn
17. Tiêu chuẩn bảo mật sinh trắc học trên thiết bị di động
18. Công bố tiêu chuẩn ASTM giúp cải tiến quy trình phân hủy thực tiễn
19. Rà soát biện pháp CBPG thép hợp kim hoặc không hợp kim cán phẳng
20. Xu hướng xanh hóa ngành dầu khí nhờ ISO/TS 29001 để tăng năng suất bền vững
21. Tiêu chuẩn mới nâng cao độ tin cậy cho nhiên liệu hàng không

### THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

23. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 08/2025

❖ **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Ngày 06/8/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 44/2025/TT-BNNMT, công bố Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại, với ký hiệu là QCVN 07:2025/BNNMT.



Theo quy định mới, ngưỡng chất thải nguy hại được xác định dựa trên nhiều đặc tính nguy hại chủ yếu như: tính độc hại đối với con người và hệ sinh thái, khả năng ăn mòn kim loại và vật liệu, khả năng gây cháy nổ, tính dễ lây nhiễm, cũng như các yếu tố nguy hại khác có thể ảnh hưởng đến an toàn môi trường và sức khỏe cộng đồng. Quy chuẩn cũng đưa ra hệ thống chỉ số định lượng cụ thể, giúp cơ quan quản lý, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan có căn cứ rõ ràng trong việc kiểm tra, đánh giá và xử lý chất thải.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 2 năm 2026, thay thế các quy định trước đây về ngưỡng chất thải nguy hại:

a) QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (sau đây viết tắt là QCVN 07:2009/BTNMT);

b) QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (sau đây viết tắt là QCVN 50:2013/BTNMT)/.

Điều khoản chuyển tiếp:

1. Các vụ việc đang triển khai phân định, phân loại chất thải theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng: QCVN 07:2009/BTNMT, QCVN 50:2013/BTNMT cho đến hết thời điểm xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ nguồn thải đã thực hiện phân định, phân loại chất thải theo quy định của pháp luật trước ngày

Thông tư này có hiệu lực thi hành không phải thực hiện phân định lại chất thải, trừ trường hợp có thành phần nguy hại thay đổi ngưỡng chất thải nguy hại theo hướng nghiêm ngặt, chặt chẽ hơn so với QCVN 07:2009/BTNMT, QCVN 50:2013/BTNMT hoặc có thay đổi khác quy định tại Mục 5.1.2 QCVN 07:2025/BNNMT.

Việc ban hành Thông tư 44/2025/TT-BNNMT không chỉ giúp chuẩn hóa quy trình quản lý chất thải nguy hại mà còn góp phần tăng cường năng lực giám sát, kiểm soát và xử lý chất thải trong bối cảnh phát sinh ngày càng nhiều loại chất thải mới từ công nghiệp, nông nghiệp và y tế. Đây cũng là một trong những bước đi quan trọng nhằm thực hiện chiến lược quốc gia về kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường./.

Ngày 06/8/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 45/2025/TT-BNNMT, công bố Quy chuẩn kỹ

**thuật quốc gia về lò đốt chất thải, với ký hiệu là QCVN 30:2025/BNNMT.**

Thông tư này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan đến thiết kế, xây dựng, lắp đặt và sử dụng hệ thống lò đốt chất thải trên lãnh thổ Việt Nam, tuy nhiên không áp dụng đối với các hoạt động đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng hoặc xử lý bằng phương pháp khí hóa.

Quy chuẩn mới quy định các yêu cầu bắt buộc đối với lò đốt chất thải như: phải có ít nhất hai vùng đốt sơ cấp và thứ cấp; trang bị đầu đốt phụ để đảm bảo nhiệt độ theo tiêu chuẩn; duy trì áp suất âm trong buồng đốt nhằm tránh rò rỉ khí thải; đồng thời bắt buộc hệ thống làm mát, lọc bụi và xử lý triệt để các thành phần độc hại như dioxin/furan.

Các cơ sở đã hoạt động, hoặc đang triển khai theo quy trình phê duyệt trước thời điểm hiệu lực mới, sẽ tiếp tục áp dụng các quy chuẩn cũ tương ứng đến hết ngày 31/12/2031; giá trị khí thải vẫn được kiểm soát theo Thông tư 45/2024/TT-BTNMT về khí thải công nghiệp

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026, thay thế Thông tư số 27/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 03/2016/TT-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

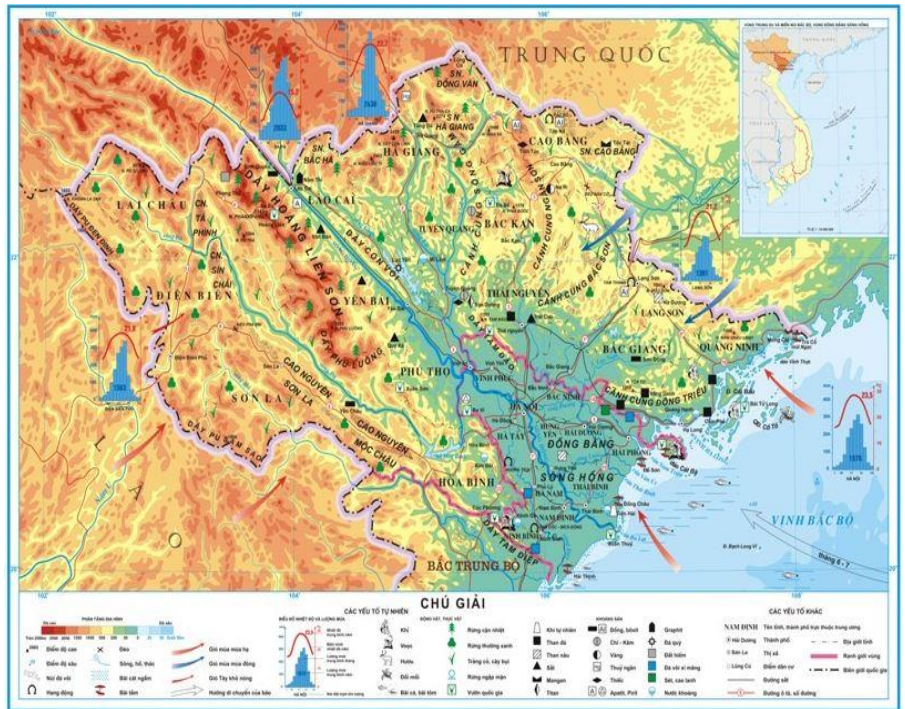
Việc ban hành QCVN 30:2025/BNNMT được đánh giá là bước tiến quan trọng trong chuẩn hóa công nghệ xử lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn của Việt Nam.

Ngày 08/8/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 46/2025/TT-BNNMT, công bố Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng, với ký hiệu là QCVN 31:2025/BNNMT.

Quy chuẩn quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với việc đưa chất thải vào đồng xử lý trong lò xi măng, bao gồm: kiểm soát thành phần, tỷ lệ phối trộn, nhiệt độ, cũng như hệ thống quan trắc và xử lý khí thải nhằm đảm bảo an toàn môi trường. Đây được xem là giải pháp vừa giúp giảm lượng chất thải cần chôn lấp, vừa tận dụng nguồn năng lượng trong quá trình sản xuất xi măng.

Thông tư có hiệu lực từ 10/02/2026, là cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy ứng dụng công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, giảm thiểu ô nhiễm và phát triển bền vững trong ngành vật liệu xây dựng./.

**Ngày 14/08/2025, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ký ban hành Thông tư số 48/2025/TT-BNNMT, công bố Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000, với ký hiệu QCVN 87:2025/BNNMT.**



Đối tượng và phạm vi áp dụng của Quy chuẩn này là cho các cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc lập, lưu trữ, quản lý, cung cấp và sử dụng bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000.

Quy chuẩn mới quy định chi tiết về độ chính xác, hệ thống ký hiệu, định dạng dữ liệu số

(GeoTIFF, GeoPDF) và siêu dữ liệu kèm theo, đồng thời chuẩn hóa cách thể hiện tên địa lý. Đây là bước tiến quan trọng trong hiện đại hóa công tác đo đạc – bản đồ, phục vụ quản lý quy hoạch, phát triển hạ tầng và ứng dụng GIS trong chuyển đổi số. Việc quy định chi tiết nội dung, ký hiệu, siêu dữ liệu và dữ liệu số không chỉ tăng cường chất lượng bản đồ, mà còn phục vụ đắc lực cho công tác quản lý quy hoạch, phòng chống thiên tai, phát triển hạ tầng và nhiều hoạt động kinh tế – xã hội khác.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026, thay thế Thông tư số 12/2020/TT-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000./.

## ❖ **BỘ XÂY DỰNG**

**Ngày 30/8/2025, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 19/2025/TT-BXD về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.**



Theo Thông tư, bãi bỏ toàn bộ các văn bản sau đây:

1. Thông tư số [13/2010/TT-BXD](#) ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

2. Thông tư số [21/2010/TT-BGTVT](#) ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số [95/2009/NĐ-CP](#) ngày 30 tháng 10 năm

2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người.

3. Thông tư số [27/2010/TT-BGTVT](#) ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về máy lái thủy lực trên phương tiện thủy - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.

4. Thông tư số [36/2010/TT-BGTVT](#) ngày 01 năm 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành 04 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ tùng xe mô tô, xe gắn máy.

5. Thông tư số [39/2013/TT-BGTVT](#) ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe đạp điện.

6. Thông tư số [47/2013/TT-BGTVT](#) ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành Giao thông vận tải.

7. Thông tư số [18/2014/TT-BGTVT](#) ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu và hàn thiết bị áp lực trong giao thông vận tải.

8. Thông tư số [39/2014/TT-BGTVT](#) ngày 12 tháng 09 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo của Bộ Giao thông vận tải.

9. Thông tư số [66/2015/TT-BGTVT](#) ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành sửa đổi 1:2015 QCVN 68:2013/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe đạp điện.

10. Thông tư số [45/2019/TT-BGTVT](#) ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy, động cơ sử dụng cho xe đạp điện và động cơ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy điện.

11. Thông tư số [23/2021/TT-BGTVT](#) ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà

đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

12. Thông tư số [26/2022/TT-BGTVT](#) ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giao thông vận tải.

13. Thông tư số [12/2023/TT-BGTVT](#) ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [23/2021/TT-BGTVT](#) ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Ngoài ra, bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sau:

Bãi bỏ Điều 4 Thông tư số 28/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Thông tư số 19/2025/TT-BXD nhằm đơn giản hóa hệ thống pháp luật, loại bỏ các quy định đã hết hiệu lực, chông chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn quản lý trong lĩnh vực xây dựng. Việc rà soát và bãi bỏ giúp đảm bảo sự thống nhất, minh bạch, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân trong quá trình thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng.

Thông tư chính thức có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, đánh dấu một bước tiến trong nỗ lực cải cách thủ tục hành chính và hoàn thiện khung pháp lý của Bộ Xây dựng./.

## ❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Các Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia và Văn bản kỹ thuật Đo lường Quốc gia**

#### ➤ ***Quyết định ban hành văn bản Kỹ thuật Đo lường Quốc gia***

**Quyết định số 1349/QĐ-TĐC ngày 19/06/2025:**

1. ĐLVL 391:2025, Hệ thống chuẩn vận tốc gió - Quy trình hiệu chuẩn
2. ĐLVL 398:2025, Thước mia chuẩn - Quy trình hiệu chuẩn
3. ĐLVN 334:2025, Phương tiện đo thủy chuẩn - Quy trình kiểm định
4. ĐLVN 335:2025, Toàn đạc điện tử - Quy trình kiểm định
5. ĐLVN 390:2025, Thiết bị chuẩn đo vận tốc gió - Quy trình hiệu chuẩn
6. ĐLVN 393:2025, Lưu tốc kế chuẩn đo nước - Quy trình hiệu chuẩn
7. ĐLVN 395:2025, Cân điện tử - Quy trình hiệu chuẩn
8. ĐLVN 396:2025, Toàn đạc điện tử chuẩn - Quy trình hiệu chuẩn

#### ➤ ***Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia***

**Quyết định số 1650/QĐ-BKHHCN ngày 07/07/2025:**

1. TCVN 14464-1:2025, Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ – Phần 1: Thiết bị giám sát – Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
2. TCVN 14464-2:2025, Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ – Phần 2: Thiết bị trung tâm giám sát – Yêu cầu kỹ thuật cơ bản

**Quyết định số 418/QĐ-BKHHCN ngày 03/04/2025:**

1. TCVN ISO 22003-1:2025, An toàn thực phẩm – Phần 1: Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm
2. TCVN ISO 22003-2:2025, An toàn thực phẩm – Phần 2: Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ, bao gồm đánh giá hệ thống an toàn thực phẩm
3. TCVN 13167:2025, Truy xuất nguồn gốc. Các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc
4. TCVN 14229:2025, Chuỗi cung ứng thực phẩm – Hướng dẫn truy xuất nguồn gốc sản phẩm ở cấp độ thùng chứa./.

## NÂNG CAO NĂNG LỰC CÁN BỘ LĨNH VỰC TĐC, ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN 2 CẤP

**Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh cho biết, đang xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các địa phương. Đây cũng là một trong những yêu cầu quan trọng nhằm vận hành hiệu quả, thông suốt theo mô hình chính quyền 2 cấp.**



Mới đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 132/2025/NĐ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị định 132) và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị định 133). Cả hai Nghị định đều có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Báo cáo về tình hình thực hiện 2 Nghị định nêu trên trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (TĐC), Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh cho biết, hiện đang xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các địa phương.

Về triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống

truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 19/7/2023, theo chính quyền 02 cấp; hoàn thành sửa đổi Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa theo chính quyền 02 cấp.

Đồng thời ban hành văn bản số 2045/SKH-CN-TĐC ngày 23/7/2025 hướng dẫn cấp xã thực hiện một số nội dung xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Đến nay một số xã, phường đã ban hành Kế hoạch xây dựng, duy trì, áp dụng hệ thống ISO 9001:2015.

Song song với đó, Sở cũng còn gặp nhiều vướng mắc, cụ thể việc triển khai kiểm tra nhà nước về đo lường theo phân định thẩm quyền tại Điều 4 Nghị định 132; Điều 3 Thông tư 07/2025/TT-BKH-CN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cấp xã còn gặp khó khăn do lãnh đạo phòng và chuyên viên cấp xã phụ trách mới tiếp cận, khối lượng công việc lớn và chưa được đào tạo (phải được cấp chứng chỉ theo quy định), tập huấn.

Hơn nữa, một số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực TĐC mới được phân cấp, ủy quyền cho UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh trong quá trình thực hiện vẫn gặp nhiều khó khăn về năng lực thẩm định của địa phương và thời gian xử lý hồ sơ.

Vì vậy, Sở đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia hỗ trợ tổ chức 01 khóa đào tạo trực tuyến nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường cho khoảng 150 cán bộ của tỉnh để cấp chứng chỉ sau khi hoàn thành đáp ứng yêu cầu pháp luật và thực tiễn triển khai.

Có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện thủ tục hành chính sau khi được phân cấp, ủy quyền và hỗ trợ nghiệp vụ cho địa phương thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình

thủ tục hành chính. Hướng dẫn, hỗ trợ kết nối Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh với Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia nhằm bảo đảm dữ liệu đồng bộ, phục vụ công tác quản lý và truy xuất trên phạm vi toàn quốc.

Hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành TĐC theo nguyên tắc: nội dung nào thực

hiện tập trung từ Trung ương, nội dung nào do địa phương chủ động triển khai, tránh trùng lặp và lãng phí; chia sẻ quyền truy cập và khai thác cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp trên địa bàn đã được cấp Giấy chứng nhận ISO, nhằm giúp địa phương thuận tiện trong công tác theo dõi, hỗ trợ và quản lý./.

0

## ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÚP DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số không chỉ giúp doanh nghiệp tự xác định điểm mạnh, điểm yếu trong hành trình số hóa, mà còn là cơ sở để cơ quan quản lý theo dõi tiến độ, đo lường hiệu quả và đưa ra chính sách hỗ trợ phù hợp, trọng tâm và sát thực tiễn.**



Chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu của mọi lĩnh vực, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam. Nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận bài bản hơn, mới đây Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã ban hành bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số dành cho doanh nghiệp nhỏ, vừa và doanh nghiệp lớn.

Bộ tiêu chí ra đời nhằm chuẩn hóa cách tiếp cận, đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ số theo hướng khoa học, định lượng, đồng thời phân loại riêng cho doanh nghiệp SME, căn cứ vào mức độ áp dụng công cụ số, nền tảng số và hiệu quả chuyển đổi theo từng ngành nghề.

Không chỉ giúp doanh nghiệp tự xác định điểm mạnh, điểm yếu trong hành trình số hóa, công cụ này còn là cơ sở để cơ quan quản lý theo dõi tiến độ, đo lường hiệu quả và đưa ra chính sách hỗ trợ phù hợp, trọng tâm và sát thực tiễn.

Việc hình thành hệ thống tiêu chí cũng tạo nền tảng kết nối doanh nghiệp với các chương trình hỗ trợ, đào tạo, tài chính và tư vấn chuyên nghiệp, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở dữ

liệu quốc gia về chuyển đổi số trong doanh nghiệp, phục vụ hoạch định chính sách trung và dài hạn.

Thời gian tới, Bộ KH&CN sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan để phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng, đồng thời tích hợp quy trình đánh giá lên nền tảng trực tuyến, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cộng đồng doanh nghiệp trên cả nước./.

0

## CHẤT LƯỢNG – “TẤM HỘ CHIẾU” ĐƯA HÀNG VIỆT VƯƠN TẦM

**Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh ngày càng gay gắt, chất lượng sản phẩm, hàng hóa được coi là yếu tố sống còn, quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Không chỉ giúp giữ vững thị trường nội địa, chất lượng còn là “tấm hộ chiếu” để hàng Việt vươn ra thế giới.**



Các chuyên gia cho rằng, một sản phẩm đạt chất lượng không chỉ dừng lại ở tính năng, độ bền mà còn bao gồm an toàn, thân thiện với môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Khi chất lượng được bảo đảm, doanh nghiệp sẽ

tạo dựng được niềm tin nơi khách hàng, từ đó mở rộng thị phần và nâng cao sức cạnh tranh.

Thực tế đã chứng minh, nhiều doanh nghiệp Việt Nam sau khi chú trọng đầu tư vào hệ thống quản lý chất lượng, đổi mới công nghệ, áp dụng các công cụ cải tiến như ISO 9001, HACCP, 5S, Kaizen, KPI,... đã cải thiện rõ rệt năng suất, giảm chi phí, đồng thời nâng cao uy tín trên thị trường, có thể kể tên như: May 10, Tổng Công ty May Đức Giang, Tập đoàn Hòa Phát, Tập đoàn TH, ...

Ngược lại, việc xem nhẹ chất lượng sản phẩm có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng: mất lòng tin của người tiêu dùng, thiệt hại kinh tế, thậm chí đánh mất thương hiệu đã gây dựng nhiều năm. Đây cũng là nguyên nhân khiến nhiều doanh nghiệp khó trụ vững khi tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Có thể khẳng định, chất lượng chính là “chìa khóa vàng” giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh, xây dựng thương hiệu và phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập./.

0

## TIÊU CHUẨN MỚI PHÁT HIỆN NHANH Ô NHIỄM VI SINH TRONG NHIÊN LIỆU

**Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng nhiên liệu ngày càng gia tăng, đặc biệt ở các lĩnh vực hàng không, hàng hải, vận tải và sản xuất điện, vấn đề kiểm soát chất lượng nhiên liệu trở nên cấp thiết. Một trong những nguy cơ tiềm ẩn là sự xâm nhập và phát triển của vi sinh vật, gây tắc nghẽn, ăn mòn và làm giảm hiệu suất sử dụng nhiên liệu. Trước thực tế này, ASTM International vừa công bố đề xuất tiêu chuẩn mới mang mã số WK95172, nhằm phát hiện nhanh ô nhiễm vi sinh trong nhiên liệu lỏng.**

### **Giải pháp kiểm tra nhanh, dễ áp dụng**

Theo thông tin từ Ủy ban D02 của ASTM (chuyên trách về sản phẩm dầu mỏ, nhiên liệu lỏng và chất bôi trơn), tiêu chuẩn WK95172 mô tả phương pháp kiểm tra nhanh tại hiện trường hoặc phòng thí nghiệm, với thời gian thực hiện

chỉ khoảng 20 phút. Phương pháp này dựa trên nguyên lý phát hiện carbohydrate – dấu hiệu sinh học của vi sinh vật – trong nhiên liệu hoặc trong phần nước tách ra từ nhiên liệu.

Điểm nổi bật của phương pháp là sử dụng xét nghiệm dòng chảy bên (Lateral Flow Test – LFT), tương tự như bộ test nhanh COVID-19 hay que thử thai. Thay vì yêu cầu phòng thí nghiệm chuyên sâu và kỹ thuật viên lành nghề, công cụ này có thể được vận hành dễ dàng bởi người sử dụng phổ thông. Chính sự đơn giản, thuận tiện này giúp việc giám sát chất lượng nhiên liệu trở nên linh hoạt, kịp thời hơn trong thực tế.

ASTM từ lâu đã ban hành nhiều tiêu chuẩn liên quan đến kiểm soát ô nhiễm vi sinh trong nhiên liệu. Có thể kể đến ASTM D6469-20, đưa ra hướng dẫn nhận biết và kiểm soát ô

nhiệm dành cho người không chuyên, hay ASTM D8412-21, sử dụng công nghệ qPCR để định lượng DNA của vi sinh vật với độ chính xác cao trong phòng thí nghiệm.



So với các tiêu chuẩn này, WK95172 giữ vai trò bổ sung quan trọng. Nếu D6469 thiên về nhận thức chung, D8412 tập trung vào phân tích chuyên sâu thì WK95172 mang tính ứng dụng thực tế, hỗ trợ phát hiện nhanh các dấu hiệu bất thường để có hành động xử lý kịp thời. Đây là mắt xích cần thiết để hình thành một quy trình kiểm soát toàn diện: từ nhận biết – sàng lọc – phân tích chuyên sâu.

**Lợi ích đối với ngành công nghiệp**

Ô nhiễm vi sinh trong nhiên liệu không chỉ gây thiệt hại kinh tế mà còn tiềm ẩn rủi ro an toàn nghiêm trọng. Trong ngành hàng

không, sự tắc nghẽn hệ thống nhiên liệu do vi sinh có thể ảnh hưởng đến hoạt động bay. Trong vận tải biển và đường bộ, nó dẫn đến tăng chi phí bảo dưỡng, giảm tuổi thọ động cơ. Với sản xuất điện, nguy cơ gián đoạn cung cấp nhiên liệu có thể gây thiệt hại lớn cho hệ thống năng lượng.

Chính vì vậy, tiêu chuẩn mới của ASTM hứa hẹn sẽ mang lại lợi ích thiết thực: tiết kiệm thời gian kiểm tra, giảm chi phí vận hành, đồng thời nâng cao mức độ an toàn và ổn định cho hoạt động công nghiệp. Việc áp dụng rộng rãi tiêu chuẩn này sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong quản lý chất lượng, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào các xét nghiệm phức tạp và tốn kém.

Bên cạnh giá trị kinh tế – kỹ thuật, tiêu chuẩn WK95172 còn thể hiện cách tiếp cận bền vững trong quản lý nhiên liệu. Bằng việc phát hiện sớm và kiểm soát hiệu quả ô nhiễm vi sinh, doanh nghiệp có thể hạn chế lãng phí nhiên liệu, giảm thiểu phát thải và kéo dài vòng đời thiết bị. Đây cũng là đóng góp quan trọng vào mục tiêu phát triển bền vững mà nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đang hướng tới./

0

**TIÊU CHUẨN MỚI VỀ YÊU CẦU CƯỜNG ĐỘ CỦA ỐNG THÉP KHÔNG GỈ CÁN NGUỘI**

**Trong bối cảnh ngành xây dựng và cơ khí ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng vật liệu, các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế đang không ngừng nghiên cứu, hoàn thiện các quy định kỹ thuật. Mới đây, ASTM International đã đề xuất xây dựng tiêu chuẩn WK95792, tập trung vào các yêu cầu cường độ, khả năng chống ăn mòn của ống thép không gỉ cán nguội.**

**Bổ sung khoảng trống trong hệ thống tiêu chuẩn**

Hiện nay, nhiều tiêu chuẩn ASTM đã được áp dụng rộng rãi trên thế giới đối với ống thép carbon, ống thép chịu nhiệt hay ống thép mạ

kẽm. Tuy nhiên, với ống thép không gỉ cán nguội – vật liệu ngày càng được sử dụng nhiều trong các công trình xây dựng, hạ tầng và chế tạo công nghiệp vẫn chưa có bộ tiêu chuẩn riêng về cường độ và độ bền cơ học.

Việc xây dựng tiêu chuẩn WK95792 sẽ góp phần lấp đầy khoảng trống này, đưa ra yêu cầu rõ ràng về khả năng chịu lực, chống ăn mòn, cũng như tuổi thọ sử dụng của ống thép không gỉ. Qua đó, các kỹ sư và nhà thầu có thể dựa vào tiêu chuẩn để lựa chọn vật liệu một cách khoa học và đáng tin cậy hơn.

Theo chuyên gia Willem Hordijk – thành viên ASTM và cố vấn trong ngành ống thép,

việc chưa có tiêu chuẩn cụ thể khiến nhiều doanh nghiệp sản xuất và người sử dụng còn lúng túng trong khâu kiểm soát chất lượng. Với WK95792, toàn bộ quá trình từ sản xuất, kiểm tra đến ứng dụng thực tế sẽ được chuẩn hóa, đảm bảo tính nhất quán và an toàn.



Trong xây dựng, ống thép không gì thường được dùng cho hệ thống cấp thoát nước, kết cấu chịu lực nhẹ, cũng như trong môi trường dễ bị ăn mòn. Nếu thiếu kiểm soát chất lượng, nguy cơ hỏng hóc, rò rỉ hay suy giảm khả năng chịu lực sẽ dẫn đến chi phí bảo trì lớn và thậm chí tiềm ẩn rủi ro an toàn. Khi có tiêu chuẩn thống nhất, doanh nghiệp vừa nâng cao uy tín sản phẩm, vừa giúp người dùng yên tâm hơn về chất lượng.

### Hướng tới phát triển bền vững

Song song với WK95792, ASTM cũng đang phát triển tiêu chuẩn WK88987 nhằm đo lường và kiểm soát hàm lượng PFAS – một nhóm hợp chất được xem là “chất ô nhiễm vĩnh cửu” do khó phân hủy trong môi trường. Việc kết hợp ban hành các tiêu chuẩn vừa về kỹ thuật, vừa về môi trường cho thấy xu hướng tiêu chuẩn hóa toàn diện: chất lượng vật liệu phải song hành cùng bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Trong dài hạn, điều này giúp ngành thép và xây dựng không chỉ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khắt khe, mà còn phù hợp với định hướng phát triển bền vững và trung hòa carbon đang được nhiều quốc gia theo đuổi.

Đối với Việt Nam, nơi tốc độ đô thị hóa và nhu cầu đầu tư hạ tầng đang gia tăng mạnh mẽ, việc nắm bắt kịp thời các tiêu chuẩn quốc tế như ASTM WK95792 sẽ mang lại nhiều lợi ích. Doanh nghiệp sản xuất thép có thể định hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu; các đơn vị xây dựng và thiết kế có thêm cơ sở để lựa chọn vật liệu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, giảm thiểu rủi ro và chi phí bảo trì./

0

## ASTM BAN HÀNH TIÊU CHUẨN MỚI HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THUỐC RNA-LNP

Trong kỷ nguyên y học hiện đại, công nghệ RNA nổi lên như một hướng đi đột phá, đặc biệt sau thành công của các loại vaccine mRNA trong đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất hiện nay là làm thế nào để đảm bảo độ ổn định, chất lượng và tính nhất quán của các loại thuốc sử dụng công nghệ RNA. Nhằm giải quyết vấn đề này, ASTM International vừa giới thiệu tiêu chuẩn mới dành cho thuốc RNA-LNP, được kỳ vọng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình nghiên cứu và sản xuất dược phẩm RNA.

### Tiêu chuẩn tập trung vào chất lượng và độ ổn định

Tiêu chuẩn mới do Tiểu ban sản phẩm y tế nano (E56.08) thuộc Ủy ban Công nghệ Nano (E56) của ASTM xây dựng. Nội dung chính xoay quanh việc chuẩn hóa các phương pháp phân tích đối với RNA-LNP – công nghệ hạt nano lipid đóng vai trò “vỏ bọc” bảo vệ RNA, giúp phân tử này không bị phân hủy và đi đúng đích trong cơ thể.

Theo ông Bryant C. Nelson, thành viên ASTM, tiêu chuẩn đưa ra hướng dẫn chi tiết cho



quá trình đóng gói, chiết xuất và phân tích RNA trong LNP, giúp đảm bảo sản phẩm cuối cùng có chất lượng cao, đồng nhất và an toàn hơn. Thay vì mỗi phòng thí nghiệm áp dụng một quy trình riêng, tiêu chuẩn này sẽ tạo ra ngôn ngữ chung cho toàn ngành.

Công thức RNA-LNP vốn nhạy cảm, dễ thay đổi khi điều kiện thí nghiệm khác nhau. Tiêu chuẩn ASTM mới sẽ giúp giảm thiểu sự chênh lệch kết quả giữa các cơ sở nghiên cứu, từ đó tăng độ tin cậy và khả năng tái lập của dữ liệu. Khi có khuôn khổ kiểm định chung, các nhà phát triển có thể tiết kiệm thời gian thử nghiệm, tập trung vào tối ưu hóa công thức, đưa thuốc ra thị trường nhanh hơn. Điều này đặc biệt quan trọng với các lĩnh vực đòi hỏi tốc độ như phòng chống dịch bệnh hoặc điều trị ung thư.

Tiêu chuẩn thuộc nhóm phương pháp tiên cạnh tranh, nghĩa là mọi phòng thí nghiệm,

trường đại học và doanh nghiệp đều có thể áp dụng. Nhờ vậy, dữ liệu nghiên cứu dễ dàng so sánh và chia sẻ, tạo ra nền tảng hợp tác minh bạch trong cộng đồng khoa học toàn cầu.

ASTM mở rộng tầm nhìn tiêu chuẩn hóa

Không chỉ dừng lại ở RNA-LNP, ASTM còn đang phát triển thêm các tiêu chuẩn trong lĩnh vực khoa học pháp y như WK89493, nhằm hướng dẫn thu thập và bảo quản bằng chứng dấu vết một cách bền vững. Việc triển khai song song các

tiêu chuẩn ở nhiều lĩnh vực cho thấy tầm nhìn toàn diện của ASTM: tiêu chuẩn không chỉ phục vụ kỹ thuật mà còn hỗ trợ quản lý, pháp luật và trách nhiệm xã hội.

Sự ra đời của tiêu chuẩn RNA-LNP đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc chuẩn hóa lĩnh vực dược phẩm RNA, vốn được kỳ vọng sẽ là nền tảng cho nhiều liệu pháp mới: từ vaccine phòng bệnh truyền nhiễm đến điều trị ung thư, bệnh di truyền và thậm chí là các liệu pháp y học cá nhân hóa. Với tiêu chuẩn này, người bệnh sẽ được hưởng lợi trực tiếp: sản phẩm thuốc có chất lượng ổn định hơn, độ an toàn cao hơn và có thể đến tay bệnh nhân trong thời gian ngắn hơn. Về phía ngành công nghiệp, tiêu chuẩn tạo điều kiện để doanh nghiệp yên tâm đầu tư, mở rộng sản xuất và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu./

0

## TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ - NỀN TẢNG CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

**Trong nỗ lực toàn cầu nhằm giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng mặt trời nổi lên như một trong những giải pháp chủ lực. Tuy nhiên, để ngành này phát triển bền vững và hiệu quả, các tiêu chuẩn quốc tế đóng vai trò không thể thiếu.**

**Thách thức trong phát triển điện mặt trời**

Dù mang lại nhiều lợi ích, năng lượng mặt trời vẫn đối diện một số thách thức. Trước hết là tính gián đoạn: điện chỉ được tạo ra khi có ánh nắng, dẫn đến nhu cầu lớn về hệ thống lưu trữ. Ngoài ra, chất lượng thiết bị như tấm pin,

bộ biến tần hay hệ thống đấu nối không đồng đều dễ gây thất thoát công suất và rút ngắn tuổi thọ dự án. Một vấn đề khác là thiếu dữ liệu chính xác về nguồn bức xạ mặt trời phục vụ thiết kế và dự báo sản lượng.



Nếu không có một bộ tiêu chuẩn chung, các nhà đầu tư và kỹ sư khó có thể đảm bảo tính đồng nhất, từ đó ảnh hưởng đến niềm tin của thị trường và hiệu quả tài chính của dự án.

**Vai trò then chốt của tiêu chuẩn quốc tế**

Các tổ chức như ISO và ASTM International đã ban hành nhiều tiêu chuẩn nhằm thiết lập khung kỹ thuật cho toàn bộ vòng đời của một dự án năng lượng mặt trời – từ khảo sát, thiết kế đến vận hành và bảo trì.

Đo đạc và dự báo nguồn năng lượng mặt trời: ASTM phối hợp cùng Chương trình Hệ thống điện quang quốc tế đưa ra các quy trình chuẩn trong thu thập dữ liệu bức xạ. Điều này giúp giảm sai số dự báo sản lượng điện, đồng thời hạn chế rủi ro tài chính cho chủ đầu tư.

Tiêu chuẩn vật liệu và thiết bị: Một ví dụ điển hình là ASTM E903, phương pháp xác định

đặc tính hấp thụ – phản xạ – truyền sáng của vật liệu quang học. Đây là cơ sở để kiểm soát chất lượng tấm pin và các hệ thống quang học, bảo đảm hiệu suất chuyển đổi năng lượng ổn định.

Ban kỹ thuật ASTM E44: Từ năm 1978, ủy ban này đã xây dựng hàng loạt tiêu chuẩn cho công nghệ năng lượng mặt trời và các nguồn tái tạo khác. Các tiêu chuẩn tập trung vào việc chuyển đổi ánh sáng mặt trời thành điện năng và nhiệt năng, phục vụ từ hộ gia đình đến công nghiệp.

Nhờ hệ thống tiêu chuẩn, các nhà sản xuất và vận hành dự án có thể dựa vào cùng một cơ sở kỹ thuật, giảm sự khác biệt giữa các khu vực, đồng thời tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế trong lĩnh vực thiết bị năng lượng mặt trời.

Lợi ích mang lại từ tiêu chuẩn hóa

Trước hết, tiêu chuẩn giúp nâng cao chất lượng và độ tin cậy của sản phẩm, đảm bảo thiết bị hoạt động đúng công suất trong suốt vòng đời dự án. Tiếp đó, tiêu chuẩn hóa góp phần giảm chi phí đầu tư: khi thiết kế, thử nghiệm và bảo hành đều dựa trên cùng một chuẩn mực, rủi ro kỹ thuật được hạn chế tối đa, giúp doanh nghiệp và nhà đầu tư yên tâm hơn.

Không chỉ dừng lại ở khía cạnh kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc tế còn là cơ sở để chính phủ và các cơ quan quản lý ban hành chính sách hỗ trợ. Ví dụ, việc đánh giá hiệu suất dự án dựa trên số liệu chuẩn sẽ giúp hoạch định giá điện mặt trời hợp lý, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để huy động vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế./.

0

**BA DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU CỦA TỈNH BẮC NINH THAM GIA XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**

Hội đồng Sơ tuyển Giải thưởng Chất lượng quốc gia (GTCLQG) năm 2025 của tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức họp, xem xét kết quả đánh giá hồ sơ và thống nhất đề nghị 3

doanh nghiệp tiêu biểu tham gia xét tặng giải thưởng cấp quốc gia.

Cụ thể, 3 doanh nghiệp đã vượt qua vòng sơ tuyển, gồm: Công ty TNHH LS ELECTRIC

Việt Nam; Công ty CP PTK Việt Nam; Tổng công ty May Bắc Giang LGG.



Các doanh nghiệp được đánh giá toàn diện dựa trên 7 tiêu chí của giải thưởng, bao gồm: hệ thống quản lý chất lượng, sự phù hợp sản phẩm – hàng hóa, kết quả kinh doanh, tác động môi trường, nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội...

Qua thẩm định hồ sơ và đánh giá tại chỗ, các tổ chuyên gia nhận định rằng cả 3 doanh nghiệp đều cơ bản đáp ứng tốt các tiêu chuẩn của Giải thưởng Chất lượng quốc gia. Hội đồng

Sơ tuyển đã thống nhất đề nghị Hội đồng Quốc gia đưa vào danh sách xét tặng giải thưởng.

Theo ông Triệu Ngọc Trung - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hội đồng Sơ tuyển, khẳng định: “Giải thưởng Chất lượng quốc gia là giải thưởng uy tín do Thủ tướng Chính phủ trao tặng, vì vậy việc xét chọn phải thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ.”

Hội đồng cũng đề nghị các doanh nghiệp nhấn mạnh thêm trong hồ sơ những yếu tố nổi bật như: ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi xanh, sản xuất sạch hơn, cùng với các thành tích vượt trội về tăng trưởng, đóng góp ngân sách và trách nhiệm xã hội.

Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đúng tiến độ, đồng thời đồng hành lâu dài trong việc áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, nâng cao năng suất – chất lượng, khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế./.

0

## XU HƯỚNG “XANH HÓA” NGÀNH DẦU KHÍ NHỜ ISO/TS 29001 ĐỂ TĂNG NĂNG SUẤT BỀN VỮNG

**Ngành dầu khí là trụ cột kinh tế quốc gia, cung cấp nguồn năng lượng thiết yếu cho phát triển. Trước sức ép biến đổi khí hậu và yêu cầu bảo vệ môi trường, ngành này phải nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn và giảm thiểu tác động tiêu cực. Trong bối cảnh đó, ISO/TS 29001 trở**



**thành “chìa khóa vàng” giúp doanh nghiệp dầu khí xanh hóa và phát triển bền vững. ISO/TS 29001 – Khung chuẩn chuyên biệt cho dầu khí**

ISO/TS 29001 được xây dựng bởi Ủy ban kỹ thuật ISO/TC 67 phối hợp với Viện Dầu khí Hoa Kỳ (API), nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng đặc thù của ngành dầu khí toàn cầu. Phiên bản mới nhất ISO 29001:2020 được thiết kế đồng bộ với ISO 9001:2015, nhấn mạnh quản lý rủi ro và cải tiến liên tục.

Khác với tiêu chuẩn chung, ISO/TS 29001 bổ sung yêu cầu nghiêm ngặt cho toàn bộ chuỗi cung ứng ngành dầu khí – từ thiết kế, sản xuất, lắp đặt đến bảo trì và dịch vụ. Hệ thống này giúp giảm sai sót, hạn chế lãng phí, tối ưu hóa năng suất và đảm bảo an toàn trong một ngành đặc thù, vốn luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn còn áp dụng mô hình quản lý theo chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act), tạo điều kiện cho cải tiến liên tục, đồng thời giảm số lần kiểm tra từ các đơn vị bên ngoài, tiết kiệm chi phí vận hành. Chứng nhận ISO/TS 29001 cũng giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín, tạo lợi thế trong đấu thầu quốc tế khi khẳng định cam kết về chất lượng, an toàn và môi trường.

Đặc biệt, ISO/TS 29001 có thể tích hợp với các hệ thống quản lý khác như ISO 9001 (chất lượng), ISO 14001 (môi trường), ISO 45001 (an toàn lao động), tạo nên một hệ sinh thái quản lý đồng bộ, hiệu quả và thân thiện hơn với môi trường.

### **Điển hình áp dụng tại Việt Nam**

Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp dầu khí lớn đã nhanh chóng áp dụng ISO/TS 29001 để nâng cao năng lực quản trị, tăng hiệu quả sản xuất và hướng tới phát triển bền vững.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là đơn vị tiên phong triển khai. PVN áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 29001 để kiểm soát nghiêm ngặt từ khai thác, sản xuất đến cung ứng sản phẩm. Kết quả là hiệu suất lao động được nâng cao, chi phí giảm, độ tin cậy của sản phẩm và dịch vụ tăng, góp phần củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) cũng ghi nhận hiệu quả rõ rệt. Trước đây, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong vận hành, nhưng sau khi áp dụng ISO/TS 29001, PVTrans đã tối ưu hóa quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thiểu rủi ro. Năm 2024, PVTrans tiếp tục đầu tư đội tàu chuyên dụng, nâng cao năng lực tài chính và khẳng định vai trò doanh nghiệp vận tải dầu khí hàng đầu Việt Nam.

Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long (Cừ Long JOC) cũng áp dụng ISO/TS 29001 để đảm bảo an toàn – chất lượng trong các hoạt động khoan, khai thác. Nhờ đó, doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu suất, giảm chi phí, quản lý rủi ro hiệu quả và đóng góp hơn 13 tỷ USD vào ngân sách quốc gia trong hơn 25 năm qua.

Thực tiễn cho thấy, ISO/TS 29001 không chỉ là tiêu chuẩn kỹ thuật mà còn là công cụ chiến lược để ngành dầu khí Việt Nam tiến gần hơn tới mục tiêu phát triển bền vững. Việc áp dụng đồng bộ giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời xây dựng hình ảnh uy tín, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế./.

0

## **SỐM ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG QUY CHUẨN MỚI CHO SỮA CHẾ BIẾN**

Trong bối cảnh thị trường sữa trong nước đang không ngừng phát triển, Bộ Công Thương đang xúc tiến xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) dành riêng cho sản phẩm sữa chế biến. Đây được xem là động thái cấp thiết nhằm thay thế chuẩn hiện hành đã lạc hậu sau 15 năm áp dụng, giúp doanh nghiệp gia tăng năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

Theo Thứ trưởng Bộ Công Thương Trương Thanh Hoài, mức tiêu thụ sữa bình quân của người Việt hiện đạt khoảng 27 lít/người/năm – một con số vẫn còn rất tiềm năng tăng trưởng. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến khía cạnh dinh dưỡng và an toàn,



trong khi quy chuẩn hiện tại, tiêu biểu là QCVN 5-1:2010/BYT về sữa dạng lỏng, ban hành từ năm 2010, đã không thể theo kịp những tiến bộ về công nghệ và quản lý mới.

Phân tích thêm, ông Nguyễn Mạnh Đạt, Phó Viện trưởng Viện Công nghiệp Thực phẩm (Bộ Công Thương), cho biết hiện có sự chong chéo và thiếu đồng bộ trong hệ thống văn bản pháp luật. Nhiều chỉ tiêu then chốt như độc tố vi nấm, kim loại nặng, vi sinh vật... vẫn chưa được cập nhật, gây khó khăn cho cả doanh nghiệp lẫn cơ quan quản lý trong quá trình áp dụng và giám sát.

Với mục tiêu đem lại giải pháp toàn diện, dự thảo quy chuẩn mới sẽ tham chiếu các tiêu chuẩn quốc tế từ Ủy ban Codex và các mô hình quản lý ngành sữa tiên tiến trên thế giới, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với điều kiện sản xuất và kinh doanh tại Việt Nam. Trọng tâm của quy chuẩn mới hướng tới sự minh bạch, khả thi, bảo vệ người tiêu dùng và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, đặc biệt là xuất khẩu.

Theo Bộ Công Thương, văn bản dự thảo đang được xây dựng trên cơ sở pháp lý từ Luật An toàn thực phẩm, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cùng các nghị định liên quan. Khi được ban hành, quy chuẩn mới kỳ vọng sẽ chuẩn hóa tiêu chí về chất lượng sữa chế biến trong cả nước, thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng ngành sữa và hướng đến hội nhập sâu rộng hơn.

Doanh nghiệp ngành sữa nhìn chung có thể kỳ vọng vào các kết quả tích cực từ bước sửa đổi này: sản phẩm không còn bị bó hẹp bởi quy định lỗi thời, dễ dàng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu; rõ ràng hơn về các chỉ tiêu chất lượng, đơn giản hóa thủ tục chứng nhận; đồng thời tăng độ tin cậy và an toàn trước người tiêu dùng./.

0

## QCVN 30:2025/BNMT – BƯỚC TIẾN TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

**Bộ Nông nghiệp và Môi trường vừa ban hành Thông tư 45/2025/TT-BNNMT, kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải (QCVN 30:2025/BNMT). Quy chuẩn này sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 09/02/2026, đánh dấu một bước ngoặt trong quản lý chất thải rắn và chất thải nguy**



**hại tại Việt Nam.**

**Nhiều yêu cầu kỹ thuật khắt khe**

Theo QCVN 30:2025/BNMT, lò đốt chất thải phải đáp ứng hàng loạt tiêu chuẩn kỹ thuật

nhằm kiểm soát chặt chẽ quá trình thiêu đốt và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Cụ thể, lò đốt phải có vùng đốt sơ cấp và thứ cấp, trang bị đầu đốt phụ để duy trì nhiệt độ ổn định; áp suất trong lò duy trì ở mức âm để ngăn ngừa rò rỉ khí thải. Hệ thống xử lý khí thải bắt buộc trải qua các công đoạn: giải nhiệt, xử lý bụi, loại bỏ các hợp chất độc hại như dioxin/furan.

Trường hợp lò đốt kết hợp thu hồi năng lượng, quy chuẩn yêu cầu bổ sung công đoạn hấp phụ bằng than hoạt tính hoặc vật liệu tương đương. Ngoài ra, chiều cao và thiết kế ống khói sẽ được xác định trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**Kiểm soát nghiêm ngặt loại chất thải được đốt**

Quy chuẩn mới cấm tuyệt đối việc đốt chất thải phóng xạ, dầu chứa PCB, hóa chất nông nghiệp tồn lưu gốc halogen hữu cơ, cũng như chất thải nguy hại có chứa thủy ngân, chì, cadmi.

Đối với chất thải y tế và chất thải nguy hại, yêu cầu nhiệt độ vùng đốt thứ cấp tối thiểu từ 1.050 °C đến 1.100 °C tùy từng loại. Các lò đốt sinh hoạt và công nghiệp vẫn có thể xử lý đồng thời chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường.

**Quy định đặc thù với vùng khó khăn**

Đáng chú ý, các lò đốt đặt tại miền núi, hải đảo, vùng sâu vùng xa, hoặc tại cơ sở thuộc bí mật quốc phòng, an ninh sẽ được miễn quy định về công suất tối thiểu. Trong khi đó, các lò đốt rác sinh hoạt có công suất từ 100 tấn/ngày trở lên bắt buộc phải có kho chứa rác kín, kèm

hệ thống xử lý mùi hôi và nước rỉ rác.

**Chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp**

Việc ban hành QCVN 30:2025/BNNMT được đánh giá là bước tiến quan trọng trong quản lý chất thải, góp phần giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bảo đảm an toàn môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Khoảng thời gian từ nay đến ngày 09/02/2026 là giai đoạn để các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp rà soát, điều chỉnh công nghệ, quy trình vận hành, nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe mà quy chuẩn mới đặt ra./.

0

**TCVN 14304:2025 VỀ XOÀI SẤY DẸO  
GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU**

**Bộ Khoa học và Công nghệ chính thức ban hành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14304:2025 về xoài sấy dẻo, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc chuẩn hóa chất lượng sản phẩm chế biến từ xoài.**



Xoài sấy dẻo vốn là món ăn vặt được nhiều người yêu thích nhờ hương vị thơm ngon, độ mềm dẻo đặc trưng và giá trị dinh dưỡng cao. Sản phẩm không chỉ phổ biến trong nước mà còn là mặt hàng tiềm năng tại nhiều thị trường khó tính trên thế giới như châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc.

TCVN 14304:2025 đã được xây dựng nhằm thiết lập các yêu cầu kỹ thuật đồng bộ, đảm bảo sản phẩm xoài sấy dẻo đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và chất lượng. Tiêu chuẩn quy định rõ ràng về nguyên liệu đầu vào, quy trình chế biến, chỉ tiêu chất lượng,

đóng gói, bảo quản và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Theo đó, nguyên liệu sử dụng phải là xoài tươi ngon, không bị sâu bệnh, hư hỏng hoặc quá chín, đồng thời lựa chọn các giống xoài phù hợp để giữ được hương vị và độ dẻo lý tưởng của sản phẩm cuối cùng. Quá trình sơ chế và sấy được kiểm soát nghiêm ngặt về nhiệt độ và thời gian nhằm giữ lại tối đa hàm lượng dinh dưỡng và màu sắc tự nhiên, tránh hiện tượng quá khô cứng hoặc biến đổi mùi vị.

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn cũng quy định các chỉ tiêu về độ ẩm, độ dẻo, màu sắc, mùi vị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng và vi sinh vật gây hại, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng. Đóng gói sản phẩm phải bảo vệ hiệu quả khỏi tác nhân môi trường, duy trì chất lượng trong suốt quá trình lưu trữ và vận chuyển.

Việc áp dụng tiêu chuẩn này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn góp phần xây dựng lòng tin nơi người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Ngoài ra, TCVN 14304:2025 còn là chìa khóa quan trọng giúp sản phẩm xoài sấy dẻo Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn với các thị trường xuất khẩu khó tính, tạo đà phát triển bền vững cho ngành chế biến trái cây sấy./.

0

## ĐỀ XUẤT TIÊU CHUẨN ĐO HÓA CHẤT VĨNH CỬU PFAS TRONG THỜI GIAN NGẮN

**Tiêu chuẩn được đề xuất sẽ giúp mở rộng khả năng thử nghiệm toàn cầu vượt ra ngoài các phương pháp phát hiện PFAS hiện tại.**



ASTM International đang phát triển một tiêu chuẩn đề xuất (WK88987) sẽ đo các chất per- và polyfluoroalkyl siêu ngắn (PFAS) hiện chưa được đo.

WK88987 đang được phát triển bởi tiểu

ban phân tích các chất hữu cơ trong nước (Ngày 19.06) trong ủy ban nước của ASTM (D19).

Theo thành viên ASTM Kesavalu Bagawandoss, trong khi các phương pháp dành cho PFAS chuỗi ngắn và chuỗi dài đã đạt đến tiêu chuẩn hóa, vẫn còn một khoảng cách trong các phương pháp dành cho PFAS siêu ngắn (chuỗi carbon <4).

Bagawandoss, tổng giám đốc khu vực Gulf Coast tại SGS North America Inc., cho biết: "Chúng ta cần các phương pháp tham chiếu cho PFAS siêu ngắn trong mọi nền tảng. Phương pháp này sẽ được sử dụng ngay lập tức như một tiêu chuẩn cho cộng đồng thế giới sau khi được chấp thuận".

Tiêu chuẩn đề xuất này sẽ áp dụng cho tất cả các bên - cơ quan quản lý, người tiêu dùng, nhà sản xuất và phòng thí nghiệm phân tích PFAS./.

0

## TIÊU CHUẨN BẢO MẬT SINH TRẮC HỌC TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG

**Mới đây, IEC (Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế) phối hợp với ISO công bố tiêu chuẩn ISO/IEC 27553-2 mang đến quy định bảo mật và quyền riêng tư cấp cao cho công nghệ này. Cùng nhìn lại những điểm cốt lõi và tầm ảnh hưởng rộng lớn mà tiêu chuẩn mới mở ra.**

Trong thập kỷ qua, việc mở khóa điện thoại, xác thực giao dịch ngân hàng hay đăng nhập vào các ứng dụng đã thay đổi hoàn toàn nhờ công nghệ sinh trắc học. Từ cảm biến vân tay dưới màn hình, nhận diện khuôn mặt 3D, đến quét mống mắt, các phương pháp này đã thay thế mật khẩu truyền thống một cách hiệu quả. Sự tiện lợi và tốc độ vượt trội là lý do khiến người dùng nhanh chóng chấp nhận và coi đây là một giải pháp bảo mật tối ưu.

Thậm chí, các gã khổng lồ công nghệ như Google hay Apple đã đẩy mạnh việc sử dụng

"passkey", một phương thức đăng nhập không cần mật khẩu dựa trên sinh trắc học, nhằm mang lại trải nghiệm an toàn và liền mạch hơn. Passkey sử dụng mã hóa khóa công khai, bảo vệ người dùng khỏi các cuộc tấn công lừa đảo (phishing) và đánh cắp thông tin đăng nhập, những rủi ro phổ biến của mật khẩu thông thường.

Tuy nhiên, sự tiện lợi không đồng nghĩa với an toàn tuyệt đối. Sinh trắc học, dù tiên tiến đến đâu, vẫn tồn tại những lỗ hổng. Những kẻ tấn công có thể sử dụng các phương pháp phức tạp để "đánh lừa" hệ thống, còn gọi là "tấn công trình bày" (presentation attacks). Chẳng hạn, một số công nghệ nhận diện khuôn mặt kém bảo mật có thể bị đánh lừa bởi ảnh chụp 2D hoặc mô hình 3D. Hơn nữa, dữ liệu sinh trắc học, một khi bị đánh cắp, sẽ vĩnh viễn không thể



thay đổi, gây ra hậu quả nghiêm trọng hơn rất nhiều so với việc lộ mật khẩu.

Để giải quyết những thách thức này, các tiêu chuẩn quốc tế ra đời như một "kim chỉ nam" cho ngành công nghiệp. Chúng thiết lập các quy tắc chung, đảm bảo các thiết bị và hệ thống sinh trắc học có thể hoạt động an toàn và tương thích với nhau, bất kể nhà sản xuất hay hệ điều hành.

Một trong những tổ chức hàng đầu trong lĩnh vực này là Ủy ban Kỹ thuật hỗn hợp IEC và ISO (ISO/IEC JTC 1/SC 37). Ủy ban này đã phát triển hơn 140 tiêu chuẩn quốc tế chuyên biệt cho công nghệ sinh trắc học. Các tiêu chuẩn này không chỉ tập trung vào hiệu suất và an toàn mà còn giải quyết những mối lo ngại lớn về quyền riêng tư dữ liệu và các vấn đề đạo đức trong quá trình thu thập và xử lý thông tin sinh trắc học.

Đơn cử, tiêu chuẩn ISO/IEC 27553-2 cung cấp các yêu cầu bảo mật và quyền riêng tư cấp

cao cho việc xác thực sinh trắc học từ xa, bổ sung cho tiêu chuẩn ISO/IEC 27553-1 vốn tập trung vào xác thực cục bộ. Nhờ những tiêu chuẩn này, người dùng có thể yên tâm hơn khi sử dụng các dịch vụ xác thực sinh trắc học qua mạng Internet, chẳng hạn như đăng nhập vào các ứng dụng từ xa.

Mặc dù các tiêu chuẩn đã giúp nâng cao đáng kể mức độ an toàn, cuộc chiến chống lại các mối đe dọa mạng vẫn tiếp diễn. Các tiêu chuẩn cần phải liên tục được cập nhật và cải tiến để đối phó với những kỹ thuật tấn công mới. Bên cạnh đó, việc tuân thủ tiêu chuẩn cũng là một thách thức đối với các nhà sản xuất, đặc biệt là các công ty nhỏ, do chi phí và nguồn lực đầu tư.

Tuy nhiên, với sự phát triển của Trí tuệ nhân tạo (AI) và Học máy (ML), các hệ thống sinh trắc học trong tương lai sẽ thông minh hơn, có khả năng học hỏi và nhận biết các cuộc tấn công giả mạo hiệu quả hơn. Công nghệ này không chỉ giới hạn ở điện thoại di động mà còn mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác như thanh toán không chạm, hệ thống nhà thông minh hay các ứng dụng quản lý danh danh số (Digital Identity).

Tóm lại, sự kết hợp giữa đổi mới công nghệ và các tiêu chuẩn bảo mật quốc tế là yếu tố then chốt để xây dựng một tương lai nơi sinh trắc học không chỉ mang lại sự tiện lợi mà còn bảo vệ an toàn tối đa cho người dùng trong thế giới kỹ thuật số./.

0

## CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN ASTM GIÚP CẢI TIẾN QUY TRÌNH PHÂN HỦY THỰC TIỄN

**Mới đây, Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế ASTM đã ban hành hai tiêu chuẩn mới (D8618 và D8619), được kỳ vọng sẽ tạo ra một cú hích lớn, định hình lại thị trường và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn.**

Mỗi năm, hàng tỷ tấn rác thải nhựa và hữu cơ được đổ ra môi trường, gây ra những hệ lụy nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, các giải pháp thay thế thân thiện với môi trường như sản

phẩm có thể ủ phân (compostable products) đang nổi lên như một hướng đi đầy hứa hẹn. Chúng bao gồm các loại bao bì, túi đựng, và đồ dùng một lần được làm từ nguyên liệu tự nhiên, có khả năng phân hủy thành phân bón hữu cơ trong điều kiện thích hợp.

Tuy nhiên, thị trường này cũng đang đối mặt với nhiều bất cập. Người tiêu dùng thường nhầm lẫn giữa "phân hủy sinh học"



(biodegradable) và "có thể ủ phân" (compostable). "Phân hủy sinh học" chỉ đơn giản là vật liệu có thể phân hủy nhờ vi sinh vật, nhưng quá trình này có thể kéo dài hàng chục, thậm chí hàng trăm năm và có thể để lại các hạt vi nhựa (microplastics) độc hại. Ngược lại, "có thể ủ phân" là sản phẩm có khả năng phân hủy hoàn toàn trong một thời gian ngắn tại các cơ sở ủ phân công nghiệp, tạo ra phân bón không chứa dư lượng độc hại. Sự thiếu vắng các quy định thống nhất đã tạo ra cơ hội cho "tẩy xanh" (greenwashing), khi các nhà sản xuất quảng cáo sai lệch về tính chất sản phẩm của mình.

Nhằm giải quyết những vấn đề trên, ASTM International – một trong những tổ chức tiêu chuẩn uy tín hàng đầu thế giới – đã phê duyệt hai tiêu chuẩn thử nghiệm mới: D8618 và D8619. Hai tiêu chuẩn này được thiết kế để xác định cách thức kiểm tra sự phân hủy của các sản phẩm compostable trong môi trường ủ phân thực tế.

Ông Rhodes Yepsen, Giám đốc điều hành Viện Sản phẩm Phân hủy sinh học (BPI), nhận định rằng các phương pháp thử nghiệm tại hiện

trường này là một công cụ quan trọng, giúp các nhà điều hành cơ sở ủ phân, nhà hoạch định chính sách, và các nhà sản xuất hiểu rõ hơn về cách các biến số môi trường ảnh hưởng đến tốc độ phân hủy của sản phẩm.

Sự khác biệt chính giữa hai tiêu chuẩn nằm ở phương pháp thử nghiệm:

D8619: Đánh giá các sản phẩm compostable được đặt trong một vật chứa, ví dụ như một túi lưới, để giám sát quá trình phân hủy một cách có kiểm soát.

D8618: Đánh giá các sản phẩm được thêm trực tiếp vào đồng ủ phân mà không cần vật chứa, mô phỏng quá trình xử lý thực tế tại các cơ sở.

Hai tiêu chuẩn mới này bổ sung cho tiêu chuẩn D6400, một tiêu chuẩn dựa trên phòng thí nghiệm, đã được công nhận từ lâu. Trong khi D6400 xác định các yêu cầu cơ bản về khả năng phân hủy, D8618 và D8619 đưa việc đánh giá ra khỏi phòng thí nghiệm, vào môi trường thực tế, nơi có sự biến động về nhiệt độ, độ ẩm và thành phần nguyên liệu.

Sự ra đời của ASTM D8618 và D8619 đánh dấu bước tiến vượt bậc trong kiểm định phân hủy sản phẩm compostable theo điều kiện thực tế, giúp ngành công nghiệp và cộng đồng thực thi mô hình sản xuất tiêu dùng bền vững hơn. Khi áp dụng phổ biến, những tiêu chuẩn này không chỉ thúc đẩy đổi mới quy trình, mà còn tiếp thêm niềm tin cho người tiêu dùng và góp phần vào mục tiêu giảm thiểu lượng chất thải hữu cơ ra môi trường./.

0

## RÀ SOÁT BIỆN PHÁP CBPG THÉP HỢP KIM HOẶC KHÔNG HỢP KIM CÁN PHẪNG

Cục Phòng vệ thương mại thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu rà soát biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản

phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn xuất xứ từ Hàn Quốc và Trung Quốc.



Ngày 24 tháng 10 năm 2024, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 2822/QĐ-BCT về kết quả rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn xuất xứ từ Hàn Quốc và Trung Quốc (mã vụ việc AD04).

Căn cứ quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2025/NĐ-CP, Cục Phòng vệ thương mại (Cơ quan điều tra) thông báo tiếp nhận hồ sơ rà

soát theo yêu cầu của bên liên quan về việc áp dụng thuế CBPG đối với một số sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn xuất xứ từ Hàn Quốc và Trung Quốc.

Theo đó, các bên liên quan theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 86/2025/NĐ-CP có quyền nộp hồ sơ yêu cầu rà soát. Hồ sơ yêu cầu rà soát phải bao gồm đầy đủ các thông tin tài liệu theo quy định tại khoản 1

Điều 57 Nghị định số 86/2025/NĐ-CP.

Qua tìm hiểu được biết, thép không hợp kim chỉ có sắt và cacbon làm thành phần chính, còn thép hợp kim là thép có thêm các nguyên tố hóa học khác (như đồng, mangan, niken...) với tổng lượng từ 1,0% trở lên để cải thiện các đặc tính cơ lý của thép

Được biết, thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất là ngày 21 tháng 9 năm 2025./.

0

## XU HƯỚNG XANH HÓA NGÀNH DẦU KHÍ NHỜ ISO/TS 29001 ĐỂ TĂNG NĂNG SUẤT BỀN VỮNG

**Ngành dầu khí là trụ cột kinh tế quốc gia, cung cấp nguồn năng lượng thiết yếu cho phát triển. Trước sức ép biến đổi khí hậu và yêu cầu bảo vệ môi trường, ngành này phải nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn và giảm thiểu tác động tiêu cực. Trong bối cảnh đó, ISO/TS 29001 trở thành “chìa khóa vàng” giúp doanh nghiệp dầu khí xanh hóa và phát triển bền vững.**

**ISO/TS 29001 – Khung chuẩn chuyên biệt cho dầu khí**

ISO/TS 29001 được xây dựng bởi Ủy ban kỹ thuật ISO/TC 67 phối hợp với Viện Dầu khí Hoa Kỳ (API), nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng đặc thù của ngành dầu khí toàn cầu. Phiên bản mới nhất ISO 29001:2020 được thiết

kế đồng bộ với ISO 9001:2015, nhấn mạnh quản lý rủi ro và cải tiến liên tục.

Khác với tiêu chuẩn chung, ISO/TS 29001 bổ sung yêu cầu nghiêm ngặt cho toàn bộ chuỗi cung ứng ngành dầu khí – từ thiết kế, sản xuất, lắp đặt đến bảo trì và dịch vụ. Hệ thống này giúp giảm sai sót, hạn chế lãng phí, tối ưu hóa năng suất và đảm bảo an toàn trong một ngành đặc thù, vốn luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn còn áp dụng mô hình quản lý theo chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act), tạo điều kiện cho cải tiến liên tục, đồng thời giảm số lần kiểm tra từ các đơn vị bên ngoài, tiết kiệm chi phí vận hành. Chứng nhận ISO/TS 29001 cũng giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín, tạo lợi thế trong đấu thầu quốc



của sản phẩm và dịch vụ tăng, góp phần củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) cũng ghi nhận hiệu quả rõ rệt. Trước đây, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong vận hành, nhưng sau khi áp dụng ISO/TS 29001, PVTrans đã tối ưu hóa quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thiểu rủi ro. Năm 2024, PVTrans tiếp tục

tế khi khẳng định cam kết về chất lượng, an toàn và môi trường.

Đặc biệt, ISO/TS 29001 có thể tích hợp với các hệ thống quản lý khác như ISO 9001 (chất lượng), ISO 14001 (môi trường), ISO 45001 (an toàn lao động), tạo nên một hệ sinh thái quản lý đồng bộ, hiệu quả và thân thiện hơn với môi trường.

**Diễn hình áp dụng tại Việt Nam**

Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp dầu khí lớn đã nhanh chóng áp dụng ISO/TS 29001 để nâng cao năng lực quản trị, tăng hiệu quả sản xuất và hướng tới phát triển bền vững.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là đơn vị tiên phong triển khai. PVN áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 29001 để kiểm soát nghiêm ngặt từ khai thác, sản xuất đến cung ứng sản phẩm. Kết quả là hiệu suất lao động được nâng cao, chi phí giảm, độ tin cậy

đầu tư đội tàu chuyên dụng, nâng cao năng lực tài chính và khẳng định vai trò doanh nghiệp vận tải dầu khí hàng đầu Việt Nam.

Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long (Cừ Long JOC) cũng áp dụng ISO/TS 29001 để đảm bảo an toàn – chất lượng trong các hoạt động khoan, khai thác. Nhờ đó, doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu suất, giảm chi phí, quản lý rủi ro hiệu quả và đóng góp hơn 13 tỷ USD vào ngân sách quốc gia trong hơn 25 năm qua.

Thực tiễn cho thấy, ISO/TS 29001 không chỉ là tiêu chuẩn kỹ thuật mà còn là công cụ chiến lược để ngành dầu khí Việt Nam tiến gần hơn tới mục tiêu phát triển bền vững. Việc áp dụng đồng bộ giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời xây dựng hình ảnh uy tín, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế./.

0

**TIÊU CHUẨN MỚI NÂNG CAO ĐỘ TIN CẬY CHO NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG**

Trong ngành hàng không, đảm bảo chất lượng nhiên liệu là yếu tố sống còn, đặc biệt trong điều kiện bay yêu cầu độ chính xác cao. Tổ chức ASTM International đã chính thức thông qua tiêu chuẩn mới với mã số D8615, mở ra phương pháp kiểm định hiện đại giúp tăng độ tin cậy và mức độ tự

động hóa trong xác định điểm đóng băng của nhiên liệu phản lực - một tiêu chí trọng yếu trong điều kiện bay ở độ cao lớn

Từ chủ quan sang tự động hóa chính xác

Trước đây, tiêu chuẩn D2386 - phương pháp kiểm tra điểm đóng băng truyền thống

dựa vào quan sát trực tiếp, gây ra sự lệ thuộc lớn vào yếu tố chủ quan người kiểm tra. Trong khi đó, tiêu chuẩn mới D8615 cho phép sử dụng công nghệ và quy trình đo lường tự động, nhằm loại bỏ các sai số do quan sát bằng mắt thường, giúp quá trình xét nghiệm diễn ra chính xác và hiệu quả hơn.



Ông Hibiki Ikeda, thành viên của ASTM và cũng là Tổng Giám đốc Kinh doanh & Tiếp thị tại Tanaka Scientific Limited cho biết, tiêu chuẩn D8615 có thể được áp dụng linh hoạt trong nhiều môi trường như các nhà sản xuất nhiên liệu, phòng thí nghiệm kiểm định, cơ quan quản lý và toàn bộ chuỗi cung ứng. Điều này đồng nghĩa với việc kiểm soát chặt chẽ hơn chất lượng nhiên liệu phản lực trước khi được sử dụng

### Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

Không chỉ dừng lại ở việc nâng cao độ tin cậy, tiêu chuẩn mới còn đóng góp vào nỗ lực thực hiện Mục tiêu Phát triển Bền vững số 12 của Liên Hợp Quốc - về tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm. Đặc biệt, D8615 có thể áp dụng cho các loại nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), giúp kiểm định an toàn cho một loại

nhiên liệu ngày càng được ưu tiên cho quyết tâm giảm phát thải trong ngành hàng không toàn cầu.

Về lợi ích, tiêu chuẩn giúp đảm bảo độ chính xác và tin cậy tăng vượt trội: Việc loại bỏ yếu tố con người trong xác định điểm đóng băng giúp tăng độ chính xác, nhất quán và khả

năng tái lập của kết quả kiểm tra. Đáp ứng đa dạng đối tượng sử dụng: Từ nhà máy sản xuất, phòng thí nghiệm đến cơ quan quản lý, tiêu chuẩn dễ dàng được áp dụng trong toàn chuỗi cung ứng.

Thúc đẩy chuyển đổi xanh: Khi áp dụng cho SAF, tiêu chuẩn mới góp phần đảm bảo các loại nhiên liệu thay thế được kiểm định nghiêm ngặt, hỗ trợ mục tiêu thân thiện môi trường và trung hòa carbon. Tuân thủ xu hướng toàn cầu: Trong bối cảnh ngành hàng không toàn thế giới đang nỗ lực hướng đến trung hòa carbon vào năm 2050, việc áp dụng tiêu chuẩn D8615 là bước tiến phù hợp để nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng nhiên liệu.

Có thể nói, sự ra đời của tiêu chuẩn D8615 không chỉ giúp loại bỏ sự phụ thuộc vào đánh giá thủ công, mà còn mở ra cửa cho chất lượng nhiên liệu phản lực – đặc biệt là SAF – được kiểm tra nghiêm ngặt hơn. Đây là bước tiến quan trọng trong việc nâng cao độ an toàn, hiệu quả và trách nhiệm môi trường của ngành hàng không hiện đại.

## CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 08/2025

<b>❖ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA</b>	<b>TCVN 14427:2025</b> Rau muống tươi Số trang:11	đường bộ – Phần 1: Thiết bị giám sát – Yêu cầu kỹ thuật cơ bản Số trang:19
<b>TCVN 13167:2025</b> Truy xuất nguồn gốc. Các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc Số trang:62 Thay thế:TCVN 13167:2020	<b>TCVN 14428:2025</b> Đừa quả tươi Số trang:12	<b>TCVN 14464-2:2025</b> Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ – Phần 2: Thiết bị trung tâm giám sát – Yêu cầu kỹ thuật cơ bản Số trang:24
<b>TCVN 14229:2025</b> Chuỗi cung ứng thực phẩm – Hướng dẫn truy xuất nguồn gốc sản phẩm ở cấp độ thùng chứa Số trang:31	<b>TCVN 14440:2025</b> Sản phẩm từ rong mứt Số trang:10	<b>TCVN 5006:2025</b> Quả có múi. Hướng dẫn bảo quản Số trang:22 Thay thế:TCVN 5006:1989
<b>TCVN 14355:2025</b> Thức ăn chăn nuôi – Xác định asen vô cơ bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử với kỹ thuật hydrua hóa (HG-AAS) sau khi phân hủy bằng vi sóng và tách bằng cột chiết pha rắn (SPE) Số trang:19	<b>TCVN 14441:2025</b> Thủy sản và sản phẩm thủy sản. Xác định chỉ số K biểu thị độ tươi của cá. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) Số trang:19	<b>TCVN 7140:2025</b> Thịt và sản phẩm thịt. Phát hiện và xác định phẩm màu Số trang:70 Thay thế:TCVN 7140:2002
<b>TCVN 14416:2025</b> Thịt và sản phẩm thịt. Từ vụng Số trang:12	<b>TCVN 14442:2025</b> Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Phát hiện và định lượng HISTAMIN trong thủy sản và sản phẩm thủy sản. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) sử dụng DETECTOR UV Số trang:19	<b>TCVN 8140:2025</b> Thịt và sản phẩm thịt. Xác định hàm lượng Chloramphenicol. Phương pháp chuẩn Số trang:21 Thay thế:TCVN 8140:2009
<b>TCVN 14417:2025</b> Thịt và sản phẩm thịt. Xác định hàm lượng PHOSPHOR tổng số Số trang:26	<b>TCVN 14443:2025</b> Thực phẩm. Xác định các nguyên tố và hợp chất hóa học của chúng. Xác định hàm lượng thủy ngân hữu cơ trong thủy sản bằng phân tích thủy ngân nguyên tố Số trang:18	<b>TCVN 8682:2025</b> Surimi đông lạnh. Các yêu cầu Số trang:18 Thay thế:TCVN 8682:2011
<b>TCVN 14418:2025</b> Quy trình vận hành trong giết mổ lợn Số trang:12	<b>TCVN 14444:2025</b> Thực phẩm. Xác định độc tố nhóm SAXITTOXIN trong nhuyễn thể có vỏ. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) có tạo dẫn xuất trước cột và oxy hóa bằng PEROXIDE hoặc PERIODAT Số trang:72	<b>TCVN 9667:2025</b> Thịt và sản phẩm thịt. Xác định hàm lượng ACID L-(+)-GLUTAMIC. Phương pháp chuẩn Số trang:21 Thay thế:TCVN 9667:2013
<b>TCVN 14424:2025</b> Hoa atisô – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử Số trang:12	<b>TCVN 14425:2025</b> Ớt cay quả tươi Số trang:12	<b>TCVN ISO 22003-1:2025</b> An toàn thực phẩm – Phần 1: Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm Số trang:38
<b>TCVN 14425:2025</b> Ớt cay quả tươi Số trang:12	<b>TCVN 14426:2025</b> Ớt ngọt quả tươi Số trang:13	

Thay thế:TCVN ISO 22003:2015 Số trang:21

**TCVN ISO 22003-2:2025**

An toàn thực phẩm – Phần 2:  
Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá  
và chứng nhận sản phẩm, quá  
trình và dịch vụ, bao gồm đánh  
giá hệ thống an toàn thực phẩm  
Số trang:47

**❖ VĂN BẢN KỸ THUẬT**  
**ĐO LƯỜNG VIỆT NAM**

**ĐLVN 391:2025**

Hệ thống chuẩn vận tốc gió. Quy  
trình hiệu chuẩn  
Số trang:22

**ĐLVN 398:2025**

Thước mia chuẩn. Quy trình  
hiệu chuẩn  
Số trang:12

**ĐLVN 334:2025**

Phương tiện đo thủy chuẩn. Quy  
trình kiểm định  
Số trang:11

Thay thế:ĐLVN 334:2020

**ĐLVN 335:2025**

Toàn đạc điện tử. Quy trình kiểm  
định  
Số trang:20

Thay thế:ĐLVN 335:2020

**ĐLVN 390:2025**

Thiết bị chuẩn đo vận tốc gió.  
Quy trình hiệu chuẩn  
Số trang:13

**ĐLVN 393:2025**

Lưu tốc kế chuẩn đo nước. Quy  
trình hiệu chuẩn  
Số trang:18

**ĐLVN 395:2025**

Cân điện tử. Quy trình hiệu  
chuẩn  
Số trang:12

**ĐLVN 396:2025**

Toàn đạc điện tử chuẩn. Quy  
trình hiệu chuẩn

**❖ TIÊU CHUẨN ISO**

**ISO/TS 9651:2025**

Nanotechnologies —  
Classification framework for  
graphene-related 2D materials  
Pages: 22

**ISO/TS 6417:2025**

Microfluidic pumps — Symbols  
and performance  
Pages: 14

**ISO/TS 6226:2025**

Health informatics — Reference  
architecture for syndromic  
surveillance systems for  
infectious diseases  
Pages: 11

**ISO/TS 5615:2025**

Health informatics —  
Accelerating safe, effective and  
secure remote connected care  
and mobile health through  
standards-based

interoperability solutions  
addressing gaps revealed by  
pandemics  
Pages: 92

**ISO/TS 26048-1:2025**

Intelligent transport systems —  
Field device Simple Network  
Management Protocol (SNMP)  
data interface

Part 1: Global objects  
Pages: 95

**ISO/TS 24574:2025**

Document management  
applications — Specification for  
a digital safe  
Pages: 21

**ISO/TS 24815:2025**

Exchange formats for audit data  
collection — Customs and

indirect tax extension: XML and  
JSON

Pages: 29

**ISO/TS 24816:2025**

Exchange formats for audit data  
collection — Government  
regulated financial reports and  
payroll extension: XML and  
JSON

Pages: 30

**ISO/TS 25006:2025**

Traditional Chinese medicine —  
Sporoderm-broken Ganoderma  
lucidum spore powder

Pages: 17

**ISO/TS 21310:2025**

Traditional Chinese medicine —  
Microscopic examination of  
medicinal herbs

Pages: 10

Replaces: ISO/TS 21310:2020

**ISO/TS 19390:2025**

Service excellence —  
Implementation approach for  
ISO 23592

Pages: 17

**ISO/TS 19677:2025**

Assessing the adverse impact of  
wildland fires on the  
environment and to people  
through environmental  
exposure

Pages: 22

Replaces: ISO/TS 19677:2019

**ISO/TS 17595:2025**

Solid biofuels —  
Characterization of wood chip  
fuels — Essential information  
for producers, suppliers and  
users

Pages: 32

**ISO/TS 16099:2025**

Water quality — Polymerase  
chain reaction (PCR) for the  
detection and quantification of

- microorganisms and viruses —  
General requirements, quality  
assurance and validation  
Pages: 71  
**ISO/TS 14812:2025**
- Intelligent transport systems —  
Vocabulary  
Pages: 87  
Replaces: ISO/TS 14812:2022  
**ISO/TR 9241-313:2025**
- Ergonomics of human-system  
interaction  
Part 313: Optical measurement  
methods for reflective displays  
Pages: 91  
**ISO/TR 9814:2025**
- Ships and marine technology —  
Good practices of preventing  
capsizing during turning of  
ships with large profile height  
Pages: 31  
**ISO/TR 6750-2:2025**
- Earth-moving machinery —  
Operator's manual  
Part 2: List of references  
Pages: 5  
Replaces: ISO/TR 6750-2:2024  
**ISO/TR 4752:2025**
- Biotechnology — Inventory of  
methods for detection of  
microbiological contamination  
in mammalian cell culture  
Pages: 19  
**ISO/TR 5102:2025**
- Guidance for the analysis of  
differences between various  
standards of fibre reinforced  
plastic-working towers made of  
prefabricated elements  
Pages: 16  
**ISO/TR 56009:2025**
- Innovation management —  
Example implementations of  
innovation operation  
measurements  
Pages: 53  
**ISO/TR 25295:2025**
- Footwear — Global last  
measurement systems  
Pages: 31  
**ISO/TR 24935:2025**
- Road vehicles — Software  
update over the air using mobile  
cellular network  
Pages: 44  
**ISO/TR 19175:2025**
- Geographic information — Gap  
analysis of geospatial standards  
for indoor-outdoor seamless  
navigation  
Pages: 15  
**ISO/TR 17716:2025**
- Road vehicles — Electrical  
disturbances from narrowband  
radiated electromagnetic  
energy — Radiated immunity  
for V2X  
Pages: 47  
**ISO/SAE DIS 1979-3**
- Road vehicles — On-board  
diagnostic communication  
Part 3: Zero emissions vehicle  
propulsion systems on UDS  
(ZEVonUDS)  
Pages: 81  
**ISO/PAS 24305:2025**
- Health informatics —  
Guidelines for implementation  
of HL7 FHIR based on ISO  
13940:2015, ISO 13606-1:2019  
and ISO 13606-3:2019  
Pages: 225  
**ISO/IEC/IEEE DIS 12207**
- Systems and software  
engineering — Software life  
cycle processes  
Pages: 2  
Replaces: ISO/IEC/IEEE  
12207:2017  
**ISO/IEC/IEEE DIS 26512**
- Systems and software  
engineering — Requirements  
for acquirers and suppliers of  
information products and  
services  
Pages: 28  
Replaces: ISO/IEC/IEEE  
26512:2018  
**ISO/PAS 16846:2025**
- Oil and gas industries including  
lower carbon energy —  
Thermoplastics lined tubing for  
wells  
Pages: 36  
**ISO/IEC/IEEE 8802-  
1CS:2022/Cor 1:2025**
- Telecommunications and  
exchange between information  
technology systems —  
Requirements for local and  
metropolitan area networks —  
Part 1CS: Link-local registration  
protocol  
Technical Corrigendum 1:  
Corrections to management  
modules and protocol encoding  
Pages: 45  
**ISO/IEC TS 19770-10:2025**
- Information technology — IT  
asset management  
Part 10: Guidance for  
implementing ITAM  
Pages: 144  
**ISO/IEC TR 30189-1:2025**
- Internet of Things (IoT) — IoT-  
based management of tangible  
cultural heritage assets  
Part 1: Framework  
Pages: 21  
**ISO/IEC TS 13211-3:2025**
- Programming languages —  
Prolog  
Part 3: Definite clause grammar  
rules as an extension of ISO/IEC  
13211-1

Pages: 18	Information technology —	— Metadata for learning
<b>ISO/IEC TR 20226:2025</b>	Radio frequency identification	resources
Information technology —	for item management	Part 2: Dublin Core elements
Artificial intelligence —	Part 63: Parameters for RAIN	Pages: 20
Environmental sustainability	air interface communications at	Replaces: ISO/IEC 19788-
aspects of AI systems	860 MHz to 930 MHz Type C	2:2011
Pages: 61	Pages: 4	<b>ISO/IEC DIS 19788-2</b>
<b>ISO/IEC TR 23090-27:2025</b>	Replaces: ISO/IEC 18000-	Information technology —
Information technology —	63:2021	Cloud computing and
Coded representation of	<b>ISO/IEC DIS 18000-65</b>	distributed platforms —
immersive media	Information technology —	Dataspace concepts and
Part 27: Media and	Radio frequency identification	characteristics
architectures for render-based	for item management	Pages: 23
systems and applications	Part 65: Parameters for air	<b>ISO/IEC DIS 20151</b>
Pages: 28	interface communications for	Information technology —
<b>ISO/IEC DIS 14496-22</b>	streaming sensors based on	Computer Graphics, image
Information technology —	ISO/IEC 18000-63	processing and environmental
Coding of audio-visual objects	Pages: 1	data representation — Human
Part 22: Open font format	<b>ISO/IEC DIS 18181-2</b>	information data model for VR-
Pages: 967	Information technology — JPEG	based smart cities
Replaces: ISO/IEC 14496-	XL image coding system	Pages: 77
22:2019	Part 2: File format	<b>ISO/IEC DIS 20538</b>
<b>ISO/IEC DIS 15693-3</b>	Pages: 18	Information technology —
Cards and security devices for	Replaces: ISO/IEC 18181-	Computer Graphics, image
personal identification —	2:2024	processing and environmental
Contactless vicinity objects	<b>ISO/IEC DIS 19566-6</b>	data representation — Human
Part 3: Anticollision and	Information technologies —	information data model for VR-
transmission protocol	JPEG systems	based smart cities
Pages: 67	Part 6: JPEG 360	Pages: 77
Replaces: ISO/IEC 15693-	Pages: 35	<b>ISO/IEC DIS 21134</b>
3:2019	Replaces: ISO/IEC 19566-	Information technology —
<b>ISO/IEC DIS 17020</b>	6:2019	Computer graphics, image
Conformity assessment —	<b>ISO/IEC DIS 19583-27</b>	processing and environmental
Requirements for bodies	Information technology —	data representation —
performing inspection	Metamodel framework for	Benchmarking of integrated
Pages: 25	interoperability (MFI)	indoor localization and tracking
Replaces: ISO/IEC 17020:2012	Part 13: Metamodel for form	methods using dead reckoning
<b>ISO/IEC DIS 17024</b>	design registration	Pages: 34
Conformity assessment —	Pages: 51	<b>ISO/IEC DIS 22460-3</b>
General requirements for	Replaces: ISO/IEC TS 19763-	Cards and security devices for
bodies operating certification of	13:2016	personal identification — ISO
persons	<b>ISO/IEC DIS 19763-13</b>	UAS licence and drone or UAS
Pages: 26	Information technology for	security module
Replaces: ISO/IEC 17024:2012	learning, education and training	Part 3: Digital UAS or drone
<b>ISO/IEC DIS 18000-63</b>		licence

- Pages: 8  
**ISO/IEC DIS 23090-23**  
 Information technology —  
 Coded representation of  
 immersive media  
 Part 23: Conformance and  
 reference software for MPEG  
 immersive video  
 Pages: 14  
 Replaces: ISO/IEC 23090-  
 23:2023
- ISO/IEC DIS 23090-29**  
 Information technology —  
 Coded representation of  
 immersive media  
 Part 29: Video-based dynamic  
 mesh coding (V-DMC)  
 Pages: 441
- ISO/IEC DIS 23090-30**  
 Information technology —  
 Coded representation of  
 immersive media  
 Part 30: Low latency, low  
 complexity LiDAR coding  
 Pages: 151
- ISO/IEC DIS 23090-5**  
 Information technology —  
 Coded representation of  
 immersive media  
 Part 5: Visual volumetric video-  
 based coding (V3C) and video-  
 based point cloud compression  
 (V-PCC)  
 Pages: 352
- ISO/IEC DIS 23167**  
 Information technology —  
 Cloud computing — Common  
 technologies and techniques  
 Pages: 51  
 Replaces: ISO/IEC TS  
 23167:2020
- ISO/IEC DIS 24931-1**  
 Information Technology —  
 Metaverse  
 Part 1: Concepts, definitions and  
 terminology  
 Pages: 27
- ISO/IEC DIS 24956**  
 Information technology — 3D  
 printing and scanning —  
 Phantom-based evaluation  
 methods for 3D printing  
 modeling software  
 Pages: 25
- ISO/IEC DIS 25098**  
 Information technology — 3D  
 printing and scanning —  
 Overview and vocabulary on 3D  
 scanning  
 Pages: 19
- ISO/IEC DIS 25642**  
 Information technology —  
 Security protocol and data  
 model (SPDM) collection  
 Pages: 239
- ISO/IEC DIS 25706**  
 Information technology —  
 OpenID Connect FAPI Security  
 Profile 1.0  
 Part 1: Baseline  
 Pages: 14
- ISO/IEC DIS 25791-1**  
 Information technology —  
 OpenID Connect FAPI Security  
 Profile 1.0  
 Part 2: Advanced  
 Pages: 19
- ISO/IEC DIS 25791-2**  
 Information technology —  
 OpenID identity assurance 1.0  
 Part 1: General  
 Pages: 44
- ISO/IEC DIS 25831-1**  
 Information technology —  
 OpenID identity assurance 1.0  
 Part 2: Schema definition  
 Pages: 19
- ISO/IEC DIS 25831-2**  
 Information technology — Open  
 Document Format for Office  
 Applications (OpenDocument)  
 v1.3  
 Part 2: Packages  
 Pages: 31  
 Replaces: ISO/IEC 26300-  
 3:2015
- ISO/IEC DIS 26300-2**  
 Information technology —  
 OpenID identity assurance 1.0  
 Part 2: Schema definition  
 Pages: 19
- ISO/IEC DIS 26300-3**  
 Information technology — Open  
 Document Format for Office  
 Applications (OpenDocument)  
 v1.3  
 Part 3: OpenDocument Schema  
 Pages: 786  
 Replaces: ISO/IEC 26300-  
 1:2015
- ISO/IEC DIS 26300-4**  
 Information technology — Open  
 Document Format for Office  
 Applications (OpenDocument)  
 v1.3  
 Part 4: Recalculated Formula  
 (OpenFormula) Format  
 Pages: 209
- ISO/IEC DIS 26565**  
 Software and systems  
 engineering — Tools and  
 methods for product line  
 maturity framework  
 Pages: 34
- ISO/IEC DIS 26566**  
 Software and systems  
 engineering — Tools and  
 methods for product line  
 texture  
 Pages: 33
- ISO/IEC DIS 27000**  
 Information security,  
 cybersecurity and privacy

protection — Information security management systems — Overview

Pages: 11

**ISO/IEC DIS 27017**

Information security, cybersecurity and privacy protection — Information security controls based on ISO/IEC 27002 for cloud services

Pages: 36

Replaces: ISO/IEC 27017:2015

**ISO/IEC DIS 27028**

Information security, cybersecurity and privacy protection — Guidance on ISO/IEC 27002 attributes

Pages: 20

**ISO/IEC DIS 27090**

Cybersecurity — Artificial Intelligence — Guidance for addressing security threats to artificial intelligence systems

Pages: 46

**ISO/IEC DIS 28033-4**

Information Security — Fully homomorphic encryption Part 4: Mechanisms for arithmetic based on look-up table evaluation

Pages: 38

**ISO/IEC 42006:2025**

Information technology — Artificial intelligence — Requirements for bodies providing audit and certification of artificial intelligence management systems

Pages: 31

**ISO/IEC 30186:2025**

Digital twin — Maturity model and guidance for a maturity assessment

Pages: 32

**ISO/IEC 30129:2015/Amd 2:2025**

Information technology — Telecommunications bonding networks for buildings and other structures Amendment 2

Pages: 7

**ISO/IEC 27553-2:2025**

Information security, cybersecurity and privacy protection — Security and privacy requirements for authentication using biometrics on mobile devices

Part 2: Remote modes

Pages: 39

**ISO/IEC 25422:2025**

Information technology — 3D Manufacturing Format (3MF) specification suite

Pages: 5

**ISO/IEC 25389:2025**

Information technology — The safe framework

Pages: 26

**ISO/IEC 23090-8:2025**

Information technology — Coded representation of immersive media Part 8: Network based media processing

Pages: 178

Replaces: ISO/IEC 23090-8:2020

**ISO/IEC 23001-17:2024/Amd 1:2025**

Information technology — MPEG systems technologies — Part 17: Carriage of uncompressed video and images in ISO base media file format

Amendment 1: High precision timing tagging

Pages: 8

**ISO/IEC 23001-10:2020/DAmD 2**

Information technology — High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments — Part 2: High efficiency video coding Amendment 1: Additional profiles and SEI messages

Pages: 37

**ISO/IEC 23000-22/DAmD 1**

Information technology — High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments

Part 12: Image File Format

Pages: 145

ISO/IEC 23008-12:2022

**ISO/IEC 21794-6:2025**

Information technology — High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments — Part 1: MPEG media transport (MMT)

Amendment 1: Signalling of adaptive FEC scheme

Pages: 6

**ISO/IEC 20931:2025**

Information technology — MPEG systems technologies — Part 17: Carriage of uncompressed video and images in ISO base media file format

Amendment 1: High precision timing tagging

Pages: 8

**ISO/IEC 20071-20:2025**

Information technology — User interface component accessibility Part 20: Developing audiovisual content

Pages: 11

**ISO/IEC 19792:2025**

Information security, cybersecurity and privacy

protection — General principles, requirements and guidance for security evaluation of biometric systems  
Pages: 25

**ISO/IEC 19785-3:2025**  
Information technology — Common Biometric Exchange Formats Framework  
Part 3: Patron format specifications  
Pages: 142  
Replaces: ISO/IEC 19785-3:2020

**ISO/IEC 19785-4:2025**  
Information technology — Common Biometric Exchange Formats Framework  
Part 4: Security block format specifications  
Pages: 20  
Replaces: ISO/IEC 19785-4:2010

**ISO/IEC 18033-2:2006/DAmd 2**  
Information technology — Security techniques — Encryption algorithms — Part 2: Asymmetric ciphers  
Amendment 2  
Pages: 51

**ISO/IEC 15944-12:2025**  
Information technology — Business operational view  
Part 12: Privacy protection requirements (PPR) on information life cycle management (ILCM) and EDI of personal information (PI)  
Pages: 120  
Replaces: ISO/IEC 15944-12:2020

**ISO/IEC 15944-7:2009/Amd 1:2025**

Information technology — Business operational view — Part 7: eBusiness vocabulary  
Amendment 1  
Pages: 33

**ISO/IEC 18012-3:2025**  
Information technology — Home electronic system (HES) — Guidelines for product interoperability  
Part 3: Lexicon  
Pages: 229

**ISO/IEC 18012-4:2025**  
Information technology — Home electronic system (HES) — Guidelines for product interoperability  
Part 4: x  
Pages: 39

**ISO/IEC 14496-10:2025**  
Information technology — Coding of audio-visual objects  
Part 10: Advanced video coding  
Pages: 997  
Replaces: ISO/IEC 14496-10:2022

**ISO/IEC 11179-3:2023/DAmd 1**  
Information technology — Metadata registries (MDR) — Part 3: Metamodel for registry common facilities  
Amendment 1: Enhancements to Item Mapping  
Pages: 33

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

**IEC 60068-2-30:2025**  
Environmental testing - Part 2-30: Tests - Test Db: Damp heat, cyclic (12 h + 12 h cycle)  
Pages: 48  
Replaces: IEC 60068-2-30:2005  
**IEC 60068-2-78:2025 RLV**

Environmental testing - Part 2-78: Tests - Test Cab: Damp heat, steady state  
Pages: 40

**IEC 60068-2-78:2025**  
Environmental testing - Part 2-78: Tests - Test Cab: Damp heat, steady state  
Pages: 13

**IEC 60092-352:2025 PRV**  
Electrical installations in ships - Part 352: Selection, installation, and operating conditions of cables  
Pages: 55

**IEC 60127-9:2025**  
Miniature fuses - Part 9: Miniature fuse-links for special applications with partial-range breaking capacity  
Pages: 33

**IEC TS 60255-216-1:2025**  
Measuring relays and protection equipment - Part 216-1: Digital interface - General requirements and tests for protection functions using digital communication as input and output  
Pages: 175

**IEC 60335-1/AMD1:2025 PRV**  
Amendment 1 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 1: General requirements  
Pages: 30

**IEC 60645-7:2025 RLV**  
Electroacoustics - Audiometric equipment - Part 7: Instruments for the measurement of auditory evoked potentials  
Pages: 62  
Replaces: IEC 60645-7:2009

<b>IEC 60645-7:2025</b> Electroacoustics - Audiometric equipment - Part 7: Instruments for the measurement of auditory evoked potentials Pages: 41 Replaces: IEC 60645-7:2009	Pages: 337 Replaces: IEC 60730-2-13:2017/COR1:2018	test methods - Mid-span temperature cycling test for exposed optical units, Method F18 Pages: 19
<b>IEC 60730-2-6:2025 EXV</b> Automatic electrical controls - Part 2-6: Particular requirements for automatic electrical pressure sensing controls including mechanical requirements Pages: 328 Replaces: IEC 60730-2-6:2015+AMD1:2019 CSV	<b>IEC 60730-2-13:2025</b> Automatic electrical controls - Part 2-13: Particular requirements for humidity sensing controls Pages: 53	<b>IEC 60947-5-5:2025 PRV</b> Low-voltage switchgear and controlgear - Part 5-5: Control circuit devices and switching elements - Electrical emergency stop device with mechanical latching function Pages: 25
<b>IEC 60730-2-6:2025</b> Automatic electrical controls - Part 2-6: Particular requirements for automatic electrical pressure sensing controls including mechanical requirements Pages: 36 Replaces: IEC 60730-2-6:2015+AMD1:2019 CSV	<b>IEC 60794-1-107:2025 PRV</b> Optical fibre cables - Part 1-107: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical test methods - Torsion, method E7 Pages: 10	<b>IEC 61000-4-30:2025 PRV</b> Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 4-30: Testing and measurement techniques - Power quality measurement methods Pages: 96 Replaces: IEC 61000-4-30:2015+AMD1:2021 CSV
<b>IEC 60730-2-6:2025</b> Automatic electrical controls - Part 2-6: Particular requirements for automatic electrical pressure sensing controls including mechanical requirements Pages: 36 Replaces: IEC 60730-2-6:2015+AMD1:2019 CSV	<b>IEC 60794-1-110:2025</b> Optical fibre cables - Part 1-110: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Kink, Method E10 Pages: 16	<b>IEC 61000-4-34:2005+AMD1:2009+AMD2:2025 CSV</b> Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 4-34: Testing and measurement techniques - Voltage dips, short interruptions and voltage variations immunity tests for equipment with mains current more than 16 A per phase Pages: 69
<b>IEC 60730-2-11:2025 EXV</b> Automatic electrical controls - Part 2-11: Particular requirements for energy regulators Pages: 298 Replaces: IEC 60730-2-11:2019	<b>IEC 60794-1-129:2025 PRV</b> Optical fibre cables - Part 1-129: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Straight midspan access to optical elements, Method E29 Pages: 9	<b>IEC 61000-4-34:2005/AMD2:2025</b> Amendment 2 - Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 4-34: Testing and measurement techniques - Voltage dips, short interruptions and voltage variations immunity tests for equipment with mains current more than 16 A per phase Pages: 4
<b>IEC 60730-2-11:2025</b> Automatic electrical controls - Part 2-11: Particular requirements for energy regulators Pages: 40 Replaces: IEC 60730-2-11:2019	<b>IEC 60794-1-214:2025</b> Optical fibre cables - Part 1-214: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Environmental test methods - Cable UV resistance test, Method F14 Pages: 16	
<b>IEC 60730-2-13:2025 EXV</b> Automatic electrical controls - Part 2-13: Particular requirements for humidity sensing controls	<b>IEC 60794-1-218:2025</b> Optical fibre cables - Part 1-218: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Environmental	

<b>IEC 61169-64:2025 PRV</b> Radio frequency connectors - Part 64: Sectional specification - RF coaxial connectors with 0,8 mm inner diameter of outer conductor - Characteristic impedance 50 Ω (type 0,8) Pages: 16 Replaces: IEC 61169-64:2019	Pages: 62 Replaces: IEC 61340-4-7:2017	Communication networks and systems for power utility automation - Part 10: Conformance testing Pages: 190
<b>IEC 61189-3-302:2025 PRV</b> Test methods for electrical materials, printed boards and other interconnection structures and assemblies - Part 3-302: Detection of plating defects in unpopulated circuit boards by computed tomography (CT) Pages: 17	<b>IEC 61375-1:2025 PRV</b> Electronic railway equipment - Train communication network (TCN) - Part 1: General architecture Pages: 61 Replaces: IEC 61375-1:2012	<b>IEC 61850-10:2012/AMD1:2025</b> Amendment 1 - Communication networks and systems for power utility automation - Part 10: Conformance testing AMENDMENT Pages: 147 Replaces: IEC 61850-10:2005
<b>IEC 61196-1-128:2025</b> Coaxial communication cables - Part 1-128: Electrical test methods - Polarization directivity of radiating cable Pages: 19	<b>IEC 61400-1/AMD1:2025 PRV</b> Amendment 1 - Wind energy generation systems - Part 1: Design requirements Pages: 16 Replaces: IEC 61400-1:2005+AMD1:2010 CSV/COR1:2016	<b>IEC TR 61850-90-20:2025</b> Communication networks and systems for power utility automation - Part 90-20: Use cases of redundancy in systems Pages: 31
<b>IEC 61267:2025 PRV</b> Medical diagnostic X-ray equipment - Radiation conditions for use in the determination of characteristics Pages: 47 Replaces: IEC 61267:2005	<b>IEC TS 61400-9:2025</b> Wind energy generation systems - Part 9: Probabilistic design measures for wind turbines Pages: 88	<b>IEC TS 61857-42:2025</b> Electrical insulation systems - Procedures for thermal evaluation - Part 42: Specific requirements for evaluation of an electrical insulation system (EIS) used for road transportation applications Pages: 51
<b>IEC 61340-4-7:2025 CMV</b> Electrostatics - Part 4-7: Standard test methods for specific applications - Ionization Pages: 95 Replaces: IEC 61340-4-7:2017	<b>IEC 61496-3:2025 CMV</b> Safety of machinery - Electro-sensitive protective equipment - Part 3: Particular requirements for active opto-electronic protective devices responsive to diffuse reflection (AOPDDR) Pages: 279 Replaces: IEC 61496-3:2018	<b>IEC 61995-1:2025</b> Devices for the connection of luminaires for household and similar purposes - Part 1: General requirements Pages: 175 Replaces: IEC 61995-1:2005+AMD1:2016 CSV
<b>IEC 61340-4-7:2025</b> Electrostatics - Part 4-7: Standard test methods for specific applications - Ionization	<b>IEC 61496-3:2025</b> Safety of machinery - Electro-sensitive protective equipment - Part 3: Particular requirements for active opto-electronic protective devices responsive to diffuse reflection (AOPDDR) Pages: 173 Replaces: IEC 61496-3:2018	<b>IEC 61995-2:2025</b> Devices for the connection of luminaires for household and similar purposes - Part 2: Standard sheets Pages: 9 Replaces: IEC 61995-2:2009+AMD1:2016 CSV

<p><b>IEC 62047-53:2025 PRV</b> Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 53: MEMS electrothermal transfer device Pages: 14</p> <p><b>IEC 62083:2025 PRV</b> Medical device software - Requirements for the safety of radiotherapy treatment planning systems Pages: 61 Replaces: IEC 62083:2009</p> <p><b>IEC 62115/AMD1:2025 PRV</b> Amendment 1 - Electric toys - Safety Pages: 10 Replaces: IEC 62115:2017/COR1:2019</p> <p><b>IEC 62271-201:2025 PRV</b> High-voltage switchgear and controlgear - Part 201: AC solid-insulation enclosed switchgear and controlgear for rated voltages above 1 kV and up to and including 52 kV Pages: 116</p> <p><b>IEC 62386-351:2025</b> Digital addressable lighting interface – Part 351: Particular requirements – Control devices – Luminaire-mounted control devices Pages: 15</p> <p><b>IEC 62453-1:2025 RLV</b> Field device tool (FDT) interface specification - Part 1: Overview and guidance Pages: 107 Replaces: IEC 62453-1:2016</p> <p><b>IEC 62453-1:2025</b> Field device tool (FDT) interface specification - Part 1: Overview and guidance Pages: 107</p>	<p>Replaces: IEC 62453-1:2016</p> <p><b>IEC 62541-18:2025</b> OPC unified architecture - Part 18: Role-Based Security Pages: 30</p> <p><b>IEC TS 62586-3:2025</b> Power quality measurement in power supply systems - Part 3: Maintenance tests, calibration Pages: 26</p> <p><b>IEC TS 62607-11-1:2025</b> Nanomanufacturing - Key control characteristics - Part 11-1: Electromagnetic compatibility - Shielding effectiveness of nanomaterials: near-field probe method Pages: 15</p> <p><b>IEC TR 62839-1:2025</b> Environmental declaration - Part 1: Communication wires and cables - Product specific rules Pages: 24</p> <p><b>IEC 62841-3-16:2025 PRV</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-16: Particular requirements for transportable belt sanders, disc sanders and belt/disc sanders Pages: 19</p> <p><b>IEC 62841-4-9:2025 PRV</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 4-9: Particular requirements for battery-powered chain saws for tree service Pages: 71</p> <p><b>IEC 63093-15:2025</b> Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of</p>	<p>surface irregularities - Part 15: U-cores Pages: 14</p> <p><b>IEC 63150-2:2025 PRV</b> Semiconductor devices - Measurement and evaluation methods of kinetic energy harvesting devices under practical vibration environment - Part 2: Human arm swing motion Pages: 21</p> <p><b>IEC 63208:2025</b> Low-voltage switchgear and controlgear and their assemblies - Security requirements Pages: 126</p> <p><b>IEC TR 63222-101:2025</b> Power quality management - Part 101: Power quality data application Pages: 62</p> <p><b>IEC 63241-3-3:2025</b> Electric motor-operated tools - Dust measurement procedure - Part 3-3: Particular requirements for transportable planers and thicknessers Pages: 6</p> <p><b>IEC TS 63263:2025</b> Winding wires - Test methods - Electrical endurance under high frequency voltage impulses Pages: 12</p> <p><b>IEC 63322:2025</b> Security of ME equipment containing high-activity sealed radioactive sources Pages: 136</p> <p><b>IEC SRD 63326:2025</b> City needs analysis framework Pages: 35</p> <p><b>IEC 63465:2025 PRV</b></p>
--	--	---

<p>Calibration and quality control in the use of radionuclide calibrators Pages: 49 <b>IEC 63522-21:2025</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 21: Thermal endurance Pages: 20 <b>IEC 63522-31:2025</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 31: Magnetic remanence Pages: 15 <b>IEC 63522-33:2025</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 33: Continuity of protective earthing connection Pages: 12 <b>IEC 63522-34:2025</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 34: Fluid contamination Pages: 12 <b>IEC TS 63527:2025</b> Safe management and operation of electrical installations Pages: 89 <b>IEC TR 63575:2025</b> Performance of power electronic reactive power shunt compensators in high voltage alternating current (HVAC) systems Pages: 32 <b>ISO/IEC TS 30180:2025</b> Internet of Things (IoT) - Functional requirements to determine the status of self-quarantine through IoT data interfaces Pages: 30 <b>IEC/IEEE 61869-21:2025 PRV</b></p>	<p>Instrument transformers - Part 21: Uncertainty evaluation in the accuracy test of instrument transformers Pages: 40 <b>ISO/IEC 12087-5:2025</b> Information technology - Image processing and interchange (IPI) functional specification - Part 5: Basic image interchange format (BIIF) Pages: 143 <b>ISO/IEC 13818-1:2025</b> Information technology - Generic coding of moving pictures and associated audio information - Part 1: Systems Pages: 324 Replaces: ISO/IEC 13818-1:2023</p> <p><b>❖ TIÊU CHUẨN BS</b></p> <p><b>BS A 104:2025</b> AEROSPACE SERIES Bolts, hexagonal heads with optional safety locking wire holes, unified threads, corrosion-resisting or heat-resisting steels, plain finish. Specification - Classification CR steel Rm ≥ 127 600 lbf/in<sup>2</sup> (880 MPa) at Ambient temperature   +515 °C. Classification HR steel Rm ≥ 130 500 lbf/in<sup>2</sup> (900 MPa) at Ambient temperature   +515 °C <b>BS ISO 9564-2:2025</b> Financial services. Personal Identification Number (PIN) management and security - Approved algorithms for PIN encipherment Replaces: BS ISO 9564-2:2014 <b>BS EN 6049-009:2025</b></p>	<p>Aerospace series. Electrical cables, installation. Protection sleeve in meta-aramid fibres - Self-wrapping fire protection sleeve, flexible, post-installation, operating temperature from -55 °C to 260 °C. Product standard <b>BS EN 13206:2025</b> Plastics. Thermoplastic covering films for use in agriculture and horticulture Replace: BS EN 13206:2017+A1:2020 <b>BS ISO/IEC 14651:2025</b> Information technology. International string ordering and comparison. Method for comparing character strings and description of the common template tailorable ordering Replace: BS ISO/IEC 14651:2020 <b>BS ISO 1928:2025</b> Coal and coke. Determination of gross calorific value Replace: BS ISO 1928:2020 <b>BS EN 50131-2-8:2025</b> Alarm systems. Intrusion and hold-up systems - Requirements for shock detectors Replace: BS EN 50131-2-8:2016 <b>BS EN 17098-1:2025</b> Plastics. Barrier films for agricultural and horticultural soil disinfection by fumigation - Specifications for barrier films <b>BS ISO 602:2025</b> Coal. Determination of mineral matter <b>BS EN IEC 61340-4-6:2025</b> Electrostatics - Standard test methods for specific applications. Wrist straps</p>
---	---	---

<p>Replace: BS EN 61340-4-6:2015</p> <p><b>BS ISO 15597:2025</b></p> <p>Petroleum and related products. Determination of chlorine and bromine content. Wavelength-dispersive X-ray fluorescence spectrometry</p> <p><b>BS EN ISO 10286:2025</b></p> <p>Gas cylinders. Vocabulary</p> <p>Replace: BS EN ISO 10286:2021</p> <p><b>BS EN 50342-6:2025</b></p> <p>Lead-acid starter batteries - Batteries for micro-cycle applications</p> <p>Replace: BS EN 50342-6:2015+A1:2018</p> <p><b>BS EN ISO 14555:2025</b></p> <p>Welding. Arc stud welding of metallic materials</p> <p><b>BS EN ISO 16795:2025</b></p> <p>Nuclear energy. Determination of Gd<sub>2</sub>O<sub>3</sub> content in pellets containing uranium oxide by X-ray fluorescence spectrometry</p> <p><b>BS EN IEC 60384-14:2023+A1:2025</b></p> <p>Fixed capacitors for use in electronic equipment - Sectional specification. Fixed capacitors for electromagnetic interference suppression and connection to the supply mains</p> <p>Replace: BS EN IEC 60384-14:2023</p> <p><b>BS EN IEC 60384-14:2023+A1:2025</b></p> <p>Fixed capacitors for use in electronic equipment - Sectional specification. Fixed capacitors for electromagnetic interference suppression and connection to the supply mains</p> <p>Replace: BS EN IEC 60384-14:2023</p>	<p><b>BS EN IEC 63002:2025</b></p> <p>Interoperability specifications and communication method for external power supplies used with computing and consumer electronics devices</p> <p>Replace: BS EN IEC 63002:2021</p> <p><b>BS ISO 30414:2025</b></p> <p>Human resource management. Requirements and recommendations for human capital reporting and disclosure</p> <p><b>BS ISO 5684:2025</b></p> <p>Adhesives. Floor covering adhesives and products for flooring installation.</p> <p>Assessment and classification of low volatile organic compound (VOC) products</p> <p><b>BS ISO 13909-8:2025</b></p> <p>Coal and coke. Mechanical sampling - Methods of testing for bias</p> <p>Replace: BS ISO 13909-8:2016</p> <p><b>BS ISO 24495-2:2025</b></p> <p>Plain language - Legal communication</p> <p><b>BS EN IEC 61326-2-6:2025</b></p> <p>Electrical equipment for measurement, control and laboratory use. EMC requirements - Particular requirements. In vitro diagnostic (IVD) medical electrical equipment</p> <p>Replace: BS EN IEC 61326-2-6:2021</p> <p><b>BS EN ISO 8501-3:2025</b></p> <p>Preparation of steel substrates before application of paints and related products. Visual assessment of surface cleanliness - Preparation grades of welds, edges and other areas with surface imperfections</p>	<p>Replace: BS EN ISO 8501-3:2007</p> <p><b>BS EN 14204:2025</b></p> <p>Chemical disinfectants and antiseptics. Quantitative suspension test for the evaluation of mycobactericidal activity of chemical disinfectants and antiseptics used in the veterinary area. (phase 2, step 1)</p> <p>Replace:</p> <p><b>BS EN 18109:2025</b></p> <p>Plastics. Agricultural plastic products. Installation, use, removal, sorting, collection, preparation for recycling and design for recycling guidelines</p> <p><b>BS EN ISO 18618:2025</b></p> <p>Dentistry. Interoperability of CAD/CAM systems</p> <p>Replace: BS EN ISO 18618:2022</p> <p><b>BS EN IEC 62074-1:2025</b></p> <p>Fibre optic interconnecting devices and passive components. Fibre optic WDM devices - Generic specification</p> <p>Replace: BS EN IEC 62074-1:2014</p> <p><b>BS EN 14204:2025</b></p> <p>Chemical disinfectants and antiseptics. Quantitative suspension test for the evaluation of mycobactericidal activity of chemical disinfectants and antiseptics used in the veterinary area. (phase 2, step 1)</p> <p>Replace: BS EN 14204:2012</p> <p><b>BS EN ISO 75-3:2025</b></p> <p>Plastics. Determination of temperature of deflection under load - High-strength</p>
---	--	--

thermosetting laminates and long-fibre-reinforced plastics Replace: BS EN ISO 75-3:2004 <b>BS ISO 21100:2025</b> Air cargo unit load devices. Performance requirements and test parameters Replace: BS ISO 21100:2020 <b>BS EN 14204:2025</b> Chemical disinfectants and antiseptics. Quantitative suspension test for the evaluation of mycobactericidal activity of chemical disinfectants and antiseptics used in the veterinary area. (phase 2, step 1) Replace: BS EN 14204:2012 <b>BS EN IEC 62074-1:2025</b> Fibre optic interconnecting devices and passive components. Fibre optic WDM devices - Generic specification Replace: BS EN IEC 62074-1:2014 <b>BS EN 17017-1:2025</b> Electronic Public Procurement. Fulfilment - Choreographies <b>BS ISO 13548:2025</b> Copper and zinc sulfide concentrates — Determination of fluorine content by sodium hydroxide fusion and fluoride ion selective electrode detection <b>BS EN ISO 6877:2025</b> Dentistry. Endodontic obturating materials Replace: BS EN ISO 6877:2021 <b>BS ISO 540:2025</b> Hard coal. Determination of ash fusibility Replace: BS ISO 540:2008 <b>BS ISO 13099-2:2025</b>	Colloidal systems. Methods for zeta-potential determination - Optical methods <b>BS EN ISO 11126-1:2025</b> Preparation of steel substrates before application of paints and related products. Specifications for non-metallic blast-cleaning abrasives - General introduction and classification Replace: BS EN ISO 11126-1:2018 <b>BS ISO 21121:2025</b> Spices and condiments. Dried lime (whole, slices and ground). Specification <b>BS ISO 7207-2:2025</b> Implants for surgery. Components for partial and total knee joint prostheses - Articulating surfaces made of metal, ceramic and plastics materials Replace: BS ISO 7207-2:2011+A2:2020 <b>BS EN IEC 60684-3-281:2025</b> Flexible insulating sleeving - Specifications for individual types of sleeving. Sheet 281: Heat-shrinkable, polyolefin sleeving, semiconductive <b>BS EN IEC 60270:2025</b> High-voltage test techniques. Charge-based measurement of partial discharges Replace: BS EN 60270:2001+A1:2016 <b>BS EN ISO 10286:2025</b> Gas cylinders. Vocabulary Replace: BS EN ISO 10286:2021 <b>BS EN IEC 60034-15:2025</b> Rotating electrical machines - Impulse voltage withstand levels of form-wound stator coils for rotating a.c. machines	Replace: BS EN 60034-15:2009 <b>BS EN 16613:2025</b> Glass in building. Laminated glass and laminated safety glass. Determination of interlayer viscoelastic properties <b>BS EN 16139:2025</b> Furniture. Safety, strength and durability. Requirements and test methods for non-domestic seating Replace: BS EN 16139:2013 <b>BS EN ISO 13341:2025</b> Gas cylinders. Fitting of valves to gas cylinders Replace: BS EN ISO 13341:2010+A1:2015 <b>BS IEC 61196-1-128:2025</b> Coaxial communication cables - Electrical test methods. Polarization directivity of radiating cable <b>BS ISO 18527-3:2020+A1:2025</b> Eye and face protection for sports use - Requirements and test methods for eyewear intended to be used for surface swimming Replace: BS 5883:1996 <b>BS ISO 24251-1:2025</b> Prevention of hydrogen assisted brittle fracture of high-strength steel components - Fundamentals and measures Replace: BS ISO 9588:2007 <b>BS EN ISO 25178-601:2025</b> Geometrical product specifications (GPS). Surface texture: Areal - Design and characteristics of contact (stylus) instruments <b>BS EN 3155-001:2025</b> Aerospace series. Electrical contacts used in elements of
--	---	---

connection - Technical specification Replace: BS EN 3155-001:2016 <b>BS EN 13155:2020+A1:2025</b> Crane. Safety. Non-fixed load lifting attachments <b>BS ISO 10785:2025</b> Space systems. Bellows. Design and operation <b>BS ISO 13110:2025</b> Cigarettes. Determination of menthol in total particulate matter from mainstream cigarette smoke with a smoking regime according to ISO 3308 (standard smoking regime). Gas chromatographic method <b>BS EN ISO 10781:2025</b> Health Informatics. HL7 Electronic Health Records-System Functional Model, Release 2.1 (EHR FM) <b>BS ISO 16685:2025</b> Thermal insulating products for industrial installations. Mechanical properties testing at sub-ambient temperatures <b>BS EN 18088:2025</b> Flexible sheets for waterproofing. Plastics recycling and recycled plastics. Plastic waterproofing sheets <b>BS EN IEC 61400-6:2020+A1:2025</b> Wind energy generation systems - Tower and foundation design requirements <b>BS ISO 9846:2025</b> Solar energy. Calibration of a pyranometer using a pyrhelimeter <b>BS ISO 19880-7:2025</b> Gaseous hydrogen. Fuelling stations - Rubber O-rings <b>BS EN IEC 60974-4:2025</b>	Arc welding equipment - Periodic inspection and testing Replace: BS EN 60974-4:2016 <b>BS EN ISO 877-2:2025</b> Plastics. Methods of exposure to solar radiation - Direct weathering and exposure behind window glass Replace: BS EN ISO 877-2:2010 <b>BS EN ISO 703:2025</b> Conveyor belts. Transverse flexibility (troughability). Test method Replace: BS EN ISO 703:2017 <b>BS EN ISO 17523:2025</b> Health informatics. Requirements for electronic prescriptions <b>BS EN 131-6:2019+A1:2025</b> Ladders - Telescopic ladders <b>BS EN 131-4:2020+A1:2025</b> Ladders - Single or multiple hinge-joint ladders <b>BS EN 131-3:2018+A1:2025</b> Ladders - Marking and user instructions <b>BS EN 131-2:2010+A3:2025</b> Ladders - Requirements, testing, marking Replace: BS EN 131-2:1993 <b>BS EN 131-1:2015+A2:2025</b> Ladders - Terms, types, functional sizes Replace: BS EN 131-1:2007+A1:2011 <b>BS EN ISO 11350:2025</b> Water quality. Determination of the genotoxicity of water and waste water. Salmonella/microsome fluctuation test (Ames fluctuation test) <b>BS ISO 9059:2025</b>	Solar energy. Calibration of pyrhelimeters by comparison to a reference pyrhelimeter <b>BS EN ISO 17201-4:2025</b> Acoustics. Noise from shooting ranges - Calculation of projectile sound <b>BS EN ISO 3035:2025</b> Corrugated fibreboard. Determination of flat crush resistance Replace: BS EN ISO 3035:2011 <b>BS EN ISO 19211:2025</b> Anaesthetic and respiratory equipment. Fire-activated oxygen shut-off devices for use during oxygen therapy <b>BS EN 18061:2025</b> Road vehicles. Rechargeable batteries with internal energy storage. Steps, conditions and protocols for the safe repair and re-use and preparation for repurposing of modules and batteries designed for EV applications <b>BS EN IEC 60068-2-88:2025</b> Environmental testing - Tests. Test XD: Resistance of components and assemblies to liquid cleaning media <b>BS ISO 625:2025</b> Coal and coke. Determination of carbon and hydrogen. Liebig method <b>BS ISO 13165-4:2025</b> Water quality. Radium-226 - Test method using alpha spectrometry <b>BS ISO 17887:2025</b> Traceability of rare earths in the supply chain from separated products to permanent magnets <b>BS ISO 13155:2025</b>
---	---	--

Refuse collection vehicles.  
Vocabulary, classification and requirements for commercial specifications

**BS EN 14972-1:2020+A1:2025**

Fixed firefighting systems.  
Water mist systems - Design, installation, inspection and maintenance

**BS EN ISO 25089:2025**

Leather. Tests for colour fastness. Colour fastness to sea water

**BS EN ISO 80000-12:2019+A1:2025**

Quantities and units - Condensed matter physics  
Replace: BS EN ISO 80000-12:2013

**BS EN ISO 80000-11:2019+A1:2025**

Quantities and units - Characteristic numbers  
Replace: BS EN ISO 80000-11:2013

**BS EN ISO 80000-8:2020+A1:2025**

Quantities and units - Acoustics  
Replace: BS EN ISO 80000-8:2007

**BS EN ISO 80000-4:2019+A1:2025**

Quantities and units - Mechanics  
Replace: BS EN ISO 80000-4:2013

**BS EN ISO 80000-3:2020+A1:2025**

Quantities and units - Space and time  
Replace: BS EN ISO 80000-3:2013

**BS ISO 21347:2025**

Space systems. Fracture and damage control

**BS EN IEC 60335-2-120:2025+A11:2025**

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-120: Particular requirements for the safety of appliances for the generation of directly inhalable aerosols

**BS ISO 13171:2016+A1:2025**

Essential oil of oregano [Origanum vulgare L. subsp. hirtum (Link) letsw]

**BS EN ISO 80000-5:2019+A1:2025**

Quantities and units - Thermodynamics  
Replace: BS EN ISO 80000-5:2013

**BS EN IEC 63522-29:2025**

Electrical relays — Tests and measurements - Capacitance

**BS ISO 23505:2025**  
Petroleum and liquid petroleum products. Calibration of spherical tanks. External electro-optical distance-ranging method

**BS EN ISO 80000-10:2019+A1:2025**

Quantities and units - Atomic and nuclear physics  
Replace: BS EN ISO 80000-10:2013

**BS EN ISO 16486-3:2025+A11:2025**

Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels. Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - Fittings

**BS EN 50122-1:2022+A1:2025**

Fixed installations for railway applications. Electrical safety,

earthing and the return circuit - Protective provisions against electric shock

Replace: BS EN 50122-1:2011 +A4:2017

**BS EN 18064-1:2025**

Plastics. Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - General aspects

**BS EN 18064-3:2025**

Plastics — Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Polypropylene (PP)

**BS EN 18064-6:2025**

Plastics — Quality recommendations and basis for specifications for application of plastic recyclates in products - Polystyrene (PS)

**BS EN 50122-3:2022+A1:2025**

Fixed installations for railway applications. Electrical safety, earthing and the return circuit - Mutual Interaction of AC and DC traction systems

**BS EN ISO 22359:2025**

Security and resilience. Guidelines for hardened protective shelters

**BS EN ISO 16486-2:2024+A11:2025**

Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels. Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - Pipes

**BS EN IEC 63522-2:2025**

Electrical relays. Tests and measurements - Mechanical tests and weighing

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

**ASTM C1077-25a**

Standard Practice for Agencies Testing Concrete and Concrete Aggregates for Use in Construction and Criteria for Testing Agency Evaluation

Pages: 9

Replace: ASTM C1077-25

**ASTM C129-25**

Standard Specification for Dry-Cast Nonloadbearing Concrete Masonry Units

Pages: 3

Replace: ASTM C129-23

**ASTM C139-25**

Standard Specification for Dry-Cast Concrete Masonry Units for Construction of Catch Basins and Manholes

Pages: 3

Replace: ASTM C139-23

**ASTM C1866/C1866M-25**

Standard Specification for Ground-Glass Pozzolan for Use in Concrete

Pages: 5

Replace: ASTM C1866/C1866M-22

**ASTM C1908-21(2025)**

Standard Test Method for Pummel Adhesion Testing of Two-ply Laminated Architectural Glass

Pages: 12

Replace: ASTM C1908-21

**ASTM C1914-21(2025)**

Standard Test Method for Bake and Boil Testing of Laminated Glass

Pages: 3

Replace: ASTM C1914-21

**ASTM C31/C31M-25b**

Standard Practice for Making and Curing Concrete Test Specimens in the Field

Pages: 7

Replace: ASTM C31/C31M-25a

**ASTM C55-25**

Standard Specification for Dry-Cast Concrete Building Brick

Pages: 3

Replace: ASTM C55-23

**ASTM C676-04(2025)e1**

Standard Test Method for Detergent Resistance of Ceramic Decorations on Glass Tableware

Pages: 2

Replace: ASTM C676-04(2019)

**ASTM C777-04(2025)**

Standard Test Method for Sulfide Resistance of Ceramic Decorations on Glass

Pages: 2

Replace: ASTM C777-04(2019)

**ASTM C978-04(2025)**

Standard Test Method for Photoelastic Determination of Residual Stress in a Transparent Glass Matrix Using a Polarizing Microscope and Optical Retardation Compensation Procedures

Pages: 10

Replace: ASTM C978-04(2019)

**ASTM D3021-01(2025)**

Standard Specification for Phthalocyanine Green Pigments

Pages: 2

Replace: ASTM D3021-

01(2019)

**ASTM D3724-01(2025)**

Standard Specification for Synthetic Brown Iron Oxide Pigment

Pages: 2

Replace: ASTM D3724-01(2019)

**ASTM D4252-89(2025)**

Standard Test Methods for Chemical Analysis of Alcohol Ethoxylates and Alkylphenol Ethoxylates

Pages: 5

Replace: ASTM D4252-89(2017)

**ASTM D4288-02(2025)**

Standard Specification for Calcium Borosilicate Pigments

Pages: 2

Replace: ASTM D4288-

02(2019)

**ASTM D4337-89(2025)**

Standard Test Methods for Analysis of Linear Detergent Alkylates

Pages: 8

Replace: ASTM D4337-

89(2017)

**ASTM D4608-89(2025)**

Standard Test Method for Citrate in Detergents

Pages: 3

Replace: ASTM D4608-

89(2017)

**ASTM D4711-89(2025)**

Standard Test Method for Sulfonic and Sulfuric Acids in Alkylbenzene Sulfonic Acids

Pages: 3

Replace: ASTM D4711-

89(2017)

**ASTM D5489-25**

Standard Guide for Care Symbols for Care Instructions on Textile Products

Pages: 7

Replace: ASTM D5489-

18(2023)

**ASTM D7917-25**

Standard Practice for Inductive Wear Debris Sensors in Gearbox and Drivetrain Applications

Pages: 12

Replace: ASTM D7917-14(2018)

**ASTM D8063-25**

Standard Test Method for Water in Purified Terephthalic Acid (PTA) by Volumetric Karl

Fischer Titration

Pages: 4

Replace: ASTM D8063-18

**ASTM E2895-19(2025)**

Standard Practice for Producing High Titters of Viable and Semi-Purified Spores of Clostridium difficile using a Liquid Medium

Pages: 6

Replace: ASTM E2895-19

**ASTM E3248-25**

Standard Guide for Non-Aqueous Phase Liquid (NAPL) Mobility and Migration in Sediment—Conceptual Models for NAPL Emplacement and Influence on NAPL Movement

Pages: 23

Replace: ASTM E3248-20

**ASTM E329-25a**

Standard Specification for Agencies Engaged in Construction Inspection, Testing, or Special Inspection

Pages: 10

Replace: ASTM E329-25

**ASTM F732-17(2025)**

Standard Test Method for Wear Testing of Polymeric Materials Used in Total Joint Prostheses

Pages: 11

Replace: ASTM F732-17

**ASTM F619-20(2025)**

Standard Practice for Extraction of Materials Used in Medical Devices

Pages: 4

Replace: ASTM F619-20

**ASTM F2695-12(2025)**

Standard Specification for Ultra-High Molecular Weight

Polyethylene Powder Blended with Alpha-Tocopherol (Vitamin E) and Fabricated Forms for Surgical Implant Applications

Pages: 4

Replace: ASTM F2695-

12(2020)

**ASTM F756-17(2025)**

Standard Practice for Assessment of Hemolytic Properties of Materials

Pages: 6

Replace: ASTM F756-17

**ASTM F2025-06(2025)**

Standard Practice for Gravimetric Measurement of Polymeric Components for Wear Assessment

Pages: 7

Replace: ASTM F2025-06(2018)

**ASTM F1700-25**

Standard Specification for Solid Vinyl Floor in Modular Format such as Tile(s) or Plank(s)

Pages: 5

Replace: ASTM F1700-24

**ASTM E1888/E1888M-17(2025)**

Standard Practice for Acoustic Emission Examination of Pressurized Containers Made of Fiberglass Reinforced Plastic with Balsa Wood Cores

Pages: 9

Replace:

ASTM E1888/E1888M-17

**ASTM D7000-19a(2025)**

Standard Test Method for Sweep Test of Emulsified Asphalt Surface Treatment Samples

Pages: 4

Replace: ASTM D7000-19a

**ASTM D5854-25**

Standard Practice for Mixing and Handling of Liquid Samples of Petroleum and Petroleum Products

Pages: 22

Replace: ASTM D5854-19a

**ASTM D1516-05(2025)**

Standard Test Method for Width of Leather

Pages: 2

Replace: ASTM D1516-05(2021)

**ASTM E3-11(2025)**

Standard Guide for Preparation of Metallographic Specimens

Pages: 12

Replace: ASTM E3-11(2017)

**ASTM F1426-25**

Standard Practice for Identifying Tire Tread Surface Irregular Wear Patterns Resulting from Tire Use

Pages: 9

Replace: ASTM F1426-20

**ASTM F2194-25**

Standard Consumer Safety Specification for Bassinets and Cradles

Pages: 26

Replace: ASTM F2194-22e1

**ASTM F2838-25**

Standard Practice for Accelerated Laboratory Aging of Radial Passenger Car and Light Truck Tires through Load Range E for the Laboratory Generation of Belt Separation

Pages: 7

<p>Replace: ASTM F2838-17  <b>ASTM F3061/F3061M-25</b>                  Standard Specification for Systems and Equipment in Aircraft                  Pages: 33                  Replace:                  ASTM F3061/F3061M-24a  <b>ASTM D8621-25</b>                  Standard Test Methods for Recovered Carbon Black—Ash Content                  Pages: 2  <b>ASTM D8577-25</b>                  Standard Guide for Waste Plastic Process Oil Analyses                  Pages: 4  <b>ASTM D8-25a</b>                  Standard Terminology Relating to Materials for Roads and Pavements                  Pages: 6                  Replace: ASTM D8-25  <b>ASTM D524-15(2025)e1</b>                  Standard Test Method for Ramsbottom Carbon Residue of Petroleum Products                  Pages: 9                  Replace: ASTM D524-15(2019)  <b>ASTM D3139-19(2025)</b>                  Standard Specification for Joints for Plastic Pressure Pipes Using Flexible Elastomeric Seals                  Pages: 4                  Replace: ASTM D3139-19  <b>ASTM D2680-20(2025)</b>                  Standard Specification for Acrylonitrile-Butadiene-Styrene (ABS) and Poly(Vinyl Chloride) (PVC) Composite Sewer Piping                  Pages: 9                  Replace: ASTM D2680-20  <b>ASTM D2347-00(2025)</b></p>	<p>Standard Test Method for Measuring Area of Leather Test Specimens                  Pages: 2                  Replace: ASTM D2347-00(2021)  <b>ASTM D2239-25</b>                  Standard Specification for Polyethylene (PE) Plastic Pipe (SIDR-PR) Based on Controlled Inside Diameter                  Pages: 7                  Replace: ASTM D2239-22  <b>ASTM D2212-00(2025)</b>                  Standard Test Method for Slit Tear Resistance of Leather                  Pages: 3                  Replace: ASTM D2212-00(2021)  <b>ASTM D2209-00(2025)</b>                  Standard Test Method for Tensile Strength of Leather                  Pages: 3                  Replace: ASTM D2209-00(2021)  <b>ASTM D2108-10(2025)</b>                  Standard Test Method for Color of Halogenated Organic Solvents and Their Admixtures (Platinum-Cobalt Scale)                  Pages: 2                  Replace: ASTM D2108-10(2020)  <b>ASTM D1901-10(2025)</b>                  Standard Test Method for Relative Evaporation Time of Halogenated Organic Solvents and Their Admixtures                  Pages: 2                  Replace: ASTM D1901-10(2020)  <b>ASTM D1815-00(2025)</b>                  Standard Test Method for Water Absorption (Static) of Vegetable Tanned Leather</p>	<p>Pages: 2                  Replace: ASTM D1815-00(2021)  <b>ASTM D1814-70(2025)</b>                  Standard Test Method for Measuring Thickness of Leather Units                  Pages: 3                  Replace: ASTM D1814-70(2021)  <b>ASTM D2111-10(2025)</b>                  Standard Test Methods for Specific Gravity and Density of Halogenated Organic Solvents and Their Admixtures                  Pages:5                  Replace: ASTM D2251-10(2020)  <b>ASTM D2251-10(2025)</b>                  Standard Test Method for Metal Corrosion by Halogenated Organic Solvents and Their Admixtures                  Pages: 2                  Replace: ASTM D2251-10(2020)  <b>ASTM D2813-03(2025)</b>                  Standard Practice for Sampling Leather for Physical and Chemical Tests                  Pages: 3                  Replace: ASTM D2813-03(2021)  <b>ASTM D2988-96(2025)</b>                  Standard Test Methods for Water-Soluble Halide Ion in Halogenated Organic Solvents and Their Admixtures                  Pages:3                  Replace: ASTM D2988-96(2020)  <b>ASTM D3103-20(2025)</b>                  Standard Test Method for Thermal Insulation</p>
---	---	--

Performance of Distribution Packages Pages: 6 Replace: ASTM D3103-20 <b>ASTM D3111-19(2025)</b> Standard Practice for Flexibility Determination of Hot-Melt Adhesives by Mandrel Bend Test Pages: 3 Replace: ASTM D3111-19 <b>ASTM D3330/D3330M-04(2025)</b> Standard Test Method for Peel Adhesion of Pressure-Sensitive Tape Pages: 6 Replace: ASTM D3330/D3330M-04(2018) <b>ASTM D3443-00(2025)</b> Standard Test Method for Chloride in Trichlorotrifluoroethane Pages: 2 Replace: ASTM D3443-00(2020) <b>ASTM D3444-00(2025)</b> Standard Test Method for Total Acid Number of Trichlorotrifluoroethane Pages: 3 Replace: ASTM D3444-00(2020) <b>ASTM D3448-10(2025)</b> Standard Test Method for Specific Aqueous Conductance of Trichlorotrifluoroethane Pages: 4 Replace: ASTM D3448-10(2020) <b>ASTM D3698-04(2025)</b> Standard Practice for Solvent Vapor Degreasing Operations Pages: 6	Replace: ASTM D3698-04(2020) <b>ASTM D3741-00(2025)</b> Standard Test Methods for Appearance of Admixtures Containing Halogenated Organic Solvents Pages: 2 Replace: ASTM D3741-00(2020) <b>ASTM D3928-00a(2025)</b> Standard Test Method for Evaluation of Gloss or Sheen Uniformity Pages: 3 Replace: ASTM D3928-00a (2018) <b>ASTM D4047-25</b> Standard Test Method for Phosphorus in Lubricating Oils and Additives by Quinoline Phosphomolybdate Method Pages: 5 Replace: ASTM D4047-18 <b>ASTM D4080-15(2025)</b> Standard Specification for Trichloroethylene, Technical and Vapor-Degreasing Grade Pages: 2 Replace: ASTM D4080-15(2020) <b>ASTM D4376-15(2025)</b> Standard Specification for Vapor-Degreasing Grade Perchloroethylene Pages: 2 Replace: ASTM D4376-15(2020) <b>ASTM D4400-18(2025)</b> Standard Test Method for Sag Resistance of Paints Using a Multinotch Applicator Pages: 4 Replace: ASTM D4400-18 <b>ASTM D4504-94(2025)</b>	Standard Specification for Molded Polyethylene Open-Head-Pails for Industrial Shipping of Nonhazardous Goods Pages: 4 Replace: ASTM D4504-94(2018) <b>ASTM D4649-20(2025)</b> Standard Guide for Use of Stretch Films and Wrapping Application Pages: 9 Replace: ASTM D4649-20 <b>ASTM D4701-00(2025)</b> Standard Specification for Technical Grade Methylene Chloride Pages: 2 Replace: ASTM D4701-00(2020) <b>ASTM D4755-95(2025)</b> Standard Test Method for Free Halogens in Halogenated Organic Solvents and Their Admixtures Pages: 2 Replace: ASTM D4755-95(2020) <b>ASTM D4946-89(2025)</b> Standard Test Method for Blocking Resistance of Architectural Paints Pages: 2 Replace: ASTM D4946-89(2017) <b>ASTM D4995-10(2025)</b> Standard Specification for Electronic and Degreasing Grades of 1,1,2-Trichloro 1,2,2,-Trifluoroethane Solvent Pages: 2 Replace: ASTM D4995-10(2020) <b>ASTM D5415-95(2025)</b>
--	---	---

Standard Test Method for Evaluating Load Containment Performance of Stretch Wrap Films by Vibration Testing Pages: 3 Replace: ASTM D5415-95(2020) <b>ASTM D5416-95(2025)</b>	Standard Test Method for Peel Adhesion of Pressure-Sensitive Label Stocks at a 90° Angle Pages: 4 Replace: ASTM D6252/D6252M-98(2019) <b>ASTM D6255/D6255M-18(2025)</b>	Pages: 5 Replace: ASTM C465-23 <b>ASTM D2863-23e1</b>
Standard Test Method for Evaluating Abrasion Resistance of Stretch Wrap Films by Vibration Testing Pages: 3 Replace: ASTM D5416-95(2020) <b>ASTM D5458-95(2025)</b>	Standard Specification for Steel or Aluminum Slotted Angle Crates Pages: 19 Replace: ASTM D6255/D6255M-18 <b>ASTM D6551/D6551M-05(2025)</b>	Standard Test Method for Measuring the Minimum Oxygen Concentration to Support Candle-Like Combustion of Plastics (Oxygen Index) Pages: 15 Replace: ASTM D2863-23 <b>ASTM D3776/D3776M-20(2025)</b>
Standard Test Method for Peel Cling of Stretch Wrap Film Pages: 7 Replace: ASTM D5458-95(2020) <b>ASTM D5459-95(2025)</b>	Standard Practice for Accelerated Weathering of Pressure-Sensitive Tapes by Xenon-Arc Exposure Apparatus Pages: 3 Replace: ASTM D6551/D6551M-05(2019) <b>ASTM D7280-25</b>	Standard Test Methods for Mass Per Unit Area (Weight) of Fabric Pages: 5 Replace: ASTM D3776/D3776M-20 <b>ASTM D5248-04(2025)</b>
Standard Test Method for Machine Direction Elastic Recovery and Permanent Deformation and Stress Retention of Stretch Wrap Film Pages: 3 Replace: ASTM D5459-95(2020) <b>ASTM D6179-20(2025)</b>	Standard Test Method for Quinoline-Insoluble (QI) Content of Tar and Pitch by Stainless Steel Crucible Filtration Pages: 5 Replace: ASTM D7280-20 <b>ASTM D7318-25</b>	Standard Specification for Reclaimed 1,1,2-Trichloro 1,2,2-Trifluoroethane Pages: 2 Replace: ASTM D5248-04(2020) <b>ASTM D5396-04(2025)</b>
Standard Test Methods for Rough Handling of Unitized Loads and Large Shipping Cases and Crates Pages: 6 Replace: ASTM D6179-20 <b>ASTM D6183-00(2025)</b>	Standard Test Method for Existent Inorganic Sulfate in Ethanol by Potentiometric Titration Pages: 6 Replace: ASTM D7318-19e1 <b>ASTM C465-25</b>	Standard Specification for Reclaimed Perchloroethylene Pages: 2 Replace: ASTM D5396-04(2020) <b>ASTM D6361/D6361M-98(2025)</b>
Standard Test Method for Tackiness of Finish on Leather Pages: 2 Replace: ASTM D6183-00(2021) <b>ASTM D6252/D6252M-98(2025)</b>	Standard Specification for Processing Additions for Use in the Manufacture of Hydraulic Cements	Standard Guide for Selecting Cleaning Agents and Processes Pages: 7 Replace: ASTM D6361/D6361M-98(2020) <b>ASTM E1316-25b</b>
		Standard Terminology for Dtl?Nondestructive Examinations Pages: 42 Replace: ASTM E1316-25a

<b>ASTM E1627-25</b> Standard Practice for Sensory Evaluation of Edible Oils and Fats Pages: 5 Replace: ASTM E1627-19	Type Band Clamps for Reinforcement or Repair of Punctures or Holes in Polyethylene Gas Pressure Pipe Pages: 3 Replace: ASTM F1025-19	Pages: 9 Replace: ASTM F2790-10(2019)e1
<b>ASTM E1730-19(2025)</b> Standard Specification for Rigid Foam for Use in Structural Sandwich Panel Cores Pages: 5 Replace: ASTM E1730-19	<b>ASTM F1057-21(2025)</b> Standard Practice for Estimating the Quality of Extruded Poly (Vinyl Chloride) (PVC) Pipe by the Heat Reversion Technique Pages: 7 Replace: ASTM F1057-21	<b>ASTM F2961-25</b> Standard Test Method for Characterizing Gripping Performance of Gloves Using a Torque Meter Pages: 10 Replace: ASTM F2961-24
<b>ASTM E2270-14(2025)</b> Standard Practice for Periodic Inspection of Building Facades for Unsafe Conditions Pages: 6 Replace: ASTM E2270-14(2019)	<b>ASTM F1803-25</b> Standard Specification for Poly (Vinyl Chloride) (PVC) Closed Profile Gravity Pipe and Fittings Based on Controlled Inside Diameter Pages: 6 Replace: ASTM F1803-15(2019)	<b>ASTM F3117/F3117M-25</b> Standard Specification for Crew Interface in Aircraft Pages: 20 Replace: ASTM F3117/F3117M-24a
<b>ASTM E2280-25a</b> Standard Guide for Fire Hazard Assessment of the Effect of Upholstered Seating Furniture Within Patient Rooms of Health Care Facilities Pages: 23 Replace: ASTM E2280-25	<b>ASTM F1861-21(2025)</b> Standard Specification for Resilient Wall Base Pages: 6 Replace: ASTM F1861-21	<b>ASTM F3491-25</b> Standard Practice for Enhanced Indication Methods in Aircraft Pages: 2
<b>ASTM E2395-21(2025)</b> Standard Specification for Voluntary Security Performance of Window and Door Assemblies with Glazing Impact Pages: 7 Replace: ASTM E2395-21	<b>ASTM F1913-19(2025)</b> Standard Specification for Vinyl Sheet Floor Covering Without Backing Pages: 4 Replace: ASTM F1913-19	<b>ASTM B548-25</b> Standard Test Method for Ultrasonic Inspection of Aluminum-Alloy Plate for Pressure Vessels Pages: 5 Replace: ASTM B548-03(2017)
<b>ASTM E998-19(2025)</b> Standard Test Method for Structural Performance of Architectural Glass Products Under the Influence of Uniform Static Loads Pages: 9 Replace: ASTM E998-19	<b>ASTM F2787-13(2025)</b> Standard Practice for Structural Design of Thermoplastic Corrugated Wall Stormwater Collection Chambers Pages: 25 Replace: ASTM F2787-13(2018)	<b>ASTM C1548-02(2025)</b> Standard Test Method for Dynamic Young's Modulus, Shear Modulus, and Poisson's Ratio of Refractory Materials by Impulse Excitation of Vibration Pages: 7 Replace: ASTM C1548-02(2020)
<b>ASTM F1025-19(2025)</b> Standard Guide for Selection and Use of Full-Encirclement-	<b>ASTM F2790-25</b> Standard Practice for Static and Dynamic Characterization of Motion Preserving Lumbar Total Facet Prostheses	<b>ASTM C636/C636M-19(2025)</b> Standard Practice for Installation of Metal Ceiling Suspension Systems for Acoustical Tile and Lay-In Panels Pages: 5 Replace: ASTM C636/C636M-19
		<b>ASTM D1761-20(2025)</b>

Standard Test Methods for Mechanical Fasteners in Wood and Wood-Based Materials  
Pages: 10

Replace: ASTM D1761-20

**ASTM D6588/D6588M-25**

Standard Test Method for Fatigue of Tire Cords (Disc Fatigue Test)  
Pages: 6

Replace:

ASTM D6588/D6588M-11(2016)

**ASTM D7459-25**

Standard Practice for Collection of Integrated Samples for the Speciation of Biomass (Biogenic) and Fossil-Derived Carbon Dioxide Emitted from Stationary Emissions Sources  
Pages: 4

Replace: ASTM D7459-08(2024)

**ASTM D7464-25**

Standard Practice for Manual Sampling of Liquid Fuels, Associated Materials and Fuel System Components for Microbiological Testing  
Pages: 9

Replace: ASTM D7464-20

**ASTM D7877-25**

Standard Guide for Electronic Methods for Detecting and Locating Leaks in Roofing and Waterproofing Membranes  
Pages: 7

Replace: ASTM D7877-24

**ASTM D8502-25**

Standard Guide for Field Collection of Airborne Particulate Samples for Subsequent Determination of Lead Content  
Pages: 6

**ASTM E1374-18(2025)**

Standard Guide for Office Acoustics and Applicable ASTM Standards  
Pages: 5

Replace: ASTM E1374-18e1

**ASTM E2514-15(2025)**

Standard Practice for Presentation Format of Elemental Cost Estimates, Summaries, and Analyses  
Pages: 22

Replace: ASTM E2514-15(2020)

**ASTM E2620-15(2025)**

Standard Classification for Program and Project Estimate Summaries  
Pages: 19

Replace: ASTM E2620-15(2020)

**ASTM E3230-25**

Standard Practice for Qualification of Procedures for the Extraction of Particulate Matter from the Surfaces of Single-Use Bioprocessing Equipment  
Pages: 11

Replace: ASTM E3230-20

**ASTM F2028-25a**

Standard Test Methods for Dynamic Evaluation of Glenoid Loosening  
Pages: 15

Replace: ASTM F2028-25

**ASTM F2291-25b**

Standard Practice for Design of Amusement Rides and Devices  
Pages: 70

Replace: ASTM F2291-25a

**ASTM F2519-05(2025)**

Standard Test Method for Grease Particle Capture

Efficiency of Commercial Kitchen Filters and Extractors  
Pages: 21

Replace: ASTM F2519-05(2020)

**ASTM F473-09(2025)**

Standard Specification for Binding Mounting Area Dimensions on Alpine Skis and Bindings  
Pages: 4

Replace: ASTM F473-09(2017)

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

**JIS B 0955-4:2025**

Machine tools-Environmental evaluation of machine tools-Part 4: Principles for measuring metal-forming machine tools and laser processing machine tools with respect to energy efficiency  
Pages: 42

Replace: JIS B 0955-4:2015

**JIS B 6190-10:2025**

Test code for machine tools-Part 10: Determination of the measuring performance of probing systems of numerically controlled machine tools  
Pages: 76

Replace: JIS B 6190-10:2015

**JIS B 8327:2025**

Testing methods for performance of pump using model pump  
Pages: 86

Replace: JIS B 8327:2015

**JIS B 8828:2025**

Cranes-Restraint devices against unintended movement caused by wind  
Pages: 34

Replace: JIS B 8828:2015

**JIS C 5101-11:2025**

Fixed capacitors for use in electronic equipment-Part 11: Sectional specification-Fixed

polyethylene-terephthalate film dielectric metal foil DC capacitors

Pages: 34

**JIS C 5201-8:2025**

Fixed resistors for use in electronic equipment-Part 8: Sectional specification: Fixed surface mount resistors

Pages: 100

**JIS C 5260-3:2025**

Potentiometers for use in electronic equipment-Part 3: Sectional specification: Rotary precision potentiometers

Pages: 34

**JIS C 5402-1-100:2025**

Connectors for electrical and electronic equipment-Tests and measurements-Part 1-100: General-Applicable publications

Pages: 12

**JIS C 5402-23-3:2025**

Connectors for electrical and electronic equipment-Tests and measurements-Part 23-3: Screening and filtering tests-

Test 23c: Shielding effectiveness of connectors and accessories

Pages: 12

**JIS C 5916-3:2025**

Fiber optic chromatic dispersion compensator using single-mode dispersion compensating fiber

Pages: 16

**JIS C 6122-3-2:2025**

Optical amplifiers-Test methods-Part 3-2: Noise figure parameters-Electrical spectrum analyzer method

Pages: 16

**JIS C 6122-4-1:2025**

Optical amplifiers-Test methods-Part 4-1: Transient

parameters-Measurement of gain parameters using two-wavelength method

Pages: 20

**JIS C 6122-4-3:2025**

Optical amplifiers-Test methods-Part 4-3: Power transient parameters-Single channel optical amplifiers in output power control

Pages: 26

**JIS C 6802:2025**

Safety of laser products-Equipment classification and requirements

Pages: 240

**JIS C 8960:2025**

Glossary of terms for photovoltaic power generation

Pages: 47

**JIS C 60068-2-14:2025**

Environmental testing-Part 2-14: Tests-Test N: Change of temperature

Pages: 34

**JIS C 60068-2-17:2025**

Environmental testing-Part 2-17: Tests-Test Q: Sealing

Pages: 46

**JIS C 60068-3-4:2025**

Environmental testing-Part 3-4: Supporting documentation and guidance-Damp heat tests

Pages: 16

**JIS C 60695-1-12:2025**

Fire hazard testing-Part 1-12: Guidance for assessing the fire hazard of electrotechnical products-Fire safety engineering

Pages: 26

**JIS C 60695-1-20:2025**

Fire hazard testing-Part 1-20: Guidance for assessing the fire

hazard of electrotechnical products-Ignitability-General guidance

Pages: 22

**JIS C 60721-3-4:2025**

Classification of environmental conditions-Part 3-4:

Classification of groups of environmental parameters and their severities-Stationary use at non-weatherprotected

locations

Pages: 16

**JIS C 61215-1:2025**

Terrestrial photovoltaic (PV) modules-Design qualification and type approval-Part 1: Test requirements

Pages: 54

**JIS C 61215-1-1:2025**

Terrestrial photovoltaic (PV) modules-Design qualification and type approval-Part 1-1: Special requirements for testing of crystalline silicon photovoltaic (PV) modules

Pages: 16

**JIS C 61215-1-2:2025**

Terrestrial photovoltaic (PV) modules-Design qualification and type approval-Part 1-2:

Special requirements for testing of thin-film Cadmium Telluride (CdTe) based photovoltaic (PV) modules

Pages: 16

**JIS C 61215-1-3:2025**

Terrestrial photovoltaic (PV) modules-Design qualification and type approval-Part 1-3:

Special requirements for testing of thin-film amorphous silicon based photovoltaic (PV) modules

Pages: 16

**JIS C 61215-1-4:2025**

Terrestrial photovoltaic (PV) modules-Design qualification and type approval-Part 1-4: Special requirements for testing of thin-film Cu(In, Ga) (S, Se)<sub>2</sub> based photovoltaic (PV) modules  
Pages: 18

**JIS C 61215-2:2025**

Terrestrial photovoltaic (PV) modules-Design qualification and type approval-Part 2: Test procedures  
Pages: 56

**JIS C 61757-2-2:2025**

Fiber optic sensors-Part 2-2: Temperature measurement-Distributed sensing  
Pages: 28

**JIS C 62506:2025**

Methods for product accelerated testing  
Pages: 90

**JIS D 6021:2025**

Industrial trucks-Overhead guards and protective structures  
Pages: 24

**JIS Q 20000-1:2020/  
AMENDMENT 1:2025**

Information technology-Service management-Part 1: Service management system requirements (Amendment 1)  
Pages: 1

**JIS Q 22301:2020/  
AMENDMENT 1:2025**

Security and resilience-Business continuity management systems-Requirements (Amendment 1)  
Pages: 4

**JIS Q 41001:2021/  
AMENDMENT 1:2025**

Facility management-Management systems-Requirements with guidance for use (Amendment 1)  
Pages: 3

**JIS Q 42001:2025**

Information technology-Artificial intelligence-Management system  
Pages: 60

**JIS R 3252:2025**

Optics and photonics-Optical materials and components-Test method for homogeneity of optical glasses by laser interferometry  
Pages: 40

**JIS X 0037:2025**

Information technology-Vocabulary-Biometrics  
Pages: 58

**JIS X 0061:2025**

Trustworthiness-Vocabulary  
Pages: 15

JIS X 0170:2025  
Systems and software engineering-System life cycle processes  
Pages: 142

**JIS X 5150-4:2025**

Information technology-Generic cabling for customer premises-Part 4: Single-tenant homes  
Pages: 40

**JIS X 5150-5:2025**

Information technology-Generic cabling for customer premises-Part 5: Data centres  
Pages: 60

**JIS X 6305-1:2025**

Cards and security devices for personal identification-Test methods-Part 1: General characteristics  
Pages: 76

**JIS X 20924:2025**

Internet of Things (IoT) and digital twin-Vocabulary  
Pages: 13

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

**DIN SPEC 91519**

Creation of a product carbon footprint (PCF) for power tools for forestry, landscape conservation, construction, industry and the trades; Text in English

**DIN EN ISO 22324**

Security and resilience - Emergency management - Guidelines for colour-coded alert (ISO 22324:2022); German version EN ISO 22324:2025

**DIN EN 17869**

Hardware for furniture - Test methods for strength and overload tests of connectors for furniture constructed from panel material; German version  
**DIN EN 17915**

Chemical disinfectants and antiseptics - Quantitative non-porous surface test without mechanical action for the evaluation of virucidal activity of chemical disinfectants used in the food, industrial, domestic and institutional area - Test method and requirements (phase 2, step 2); German version EN 17915:2025

**DIN EN 18066**

Plastics - Design for recycling of PVC based profiles for construction products; German version EN 18066:2025

**DIN EN 17914**

Chemical disinfectants and antiseptics - Quantitative suspension test for the evaluation of virucidal activity in the food, industrial, domestic and institutional area - Test method and requirements (Phase 2/Step 1); German version EN 17914:2025

**DIN EN 16838**

Refrigerated display scooping cabinets and pozzetto for gelato - Classification, requirements, performance and energy consumption testing; German version EN 16838:2024  
DIN EN 1083-1

Power-driven brushes - Part 1: Definitions and nomenclature; German version EN 1083-1:2024

**DIN EN 125**

Flame supervision devices for gas burning appliances - Thermoelectric flame supervision devices; German version EN 125:2022+A1:2024

**DIN EN 17885**

Candle accessories - Specification for fire safety and product safety labels; German version EN 17885:2023+A1:2025

**DIN ISO 17631**

Ships and marine technology - Shipboard plans for fire control, damage control, life-saving appliances and means of escape (ISO 17631:2022)

**DIN ISO 289-2**

Rubber, unvulcanized - Determinations using a shearing-disc viscometer - Part 2: Determination of pre-

vulcanization characteristics (ISO 289-2:2020)

**DIN EN 18057**

Food authenticity - Quantitation of roe deer DNA relative to mammalian DNA in meat and meat products by real-time PCR; German version EN 18057:2025  
DIN EN 16613

Glass in building - Laminated glass and laminated safety glass - Determination of interlayer viscoelastic properties; German version EN 16613:2025

**DIN EN 17823**

Acoustic properties of building elements and of buildings - Laboratory measurement of the impact sound insulation of stairs and stair isolating elements; German version EN 17823:2024 + AC:2025

**DIN EN ISO 505**

Conveyor belts - Method for the determination of the tear propagation resistance of textile conveyor belts (ISO 505:2025); German version EN ISO 505:2025

**DIN EN ISO 15883-7**

Washer-disinfectors - Part 7: Requirements and tests for washer-disinfectors employing chemical disinfection for non-critical thermolabile medical devices and health care equipment (ISO 15883-7:2025); German version EN ISO 15883-7:2025

**DIN EN 14025**

Tanks for the transport of dangerous goods - Metallic

pressure tanks - Design and construction; German version EN 14025:2023 + AC:2024

**DIN EN 16304**

Automatic vent valves for gas burners and gas burning appliances; German version EN 16304:2022+A1:2024

**DIN EN 14752**

Railway applications - Bodyside entrance systems for rolling stock; German version EN 14752:2025

**DIN ISO 813-2**

Rubber, vulcanized or thermoplastic - Determination of adhesion to a rigid substrate - Part 2: Adhesion of a soft thermoplastic elastomer layer (ISO 813-2:2024)

**DIN EN ISO 2400**

Non-destructive testing - Ultrasonic testing - Specification for standard block No. 1 (ISO 2400:2025); German version EN ISO 2400:2025

**DIN EN 15626**

Bitumens and bituminous binders - Determination of adhesivity of cut-back and fluxed bituminous binders by water immersion test - Aggregate method; German version EN 15626:2025

**DIN EN 161**

Automatic shut-off valves for gas burners and gas appliances; German version EN 161:2022+A1:2025

**DIN EN ISO 2477**

Shaped insulating refractory products - Determination of permanent change in dimensions on heating

(ISO 2477:2005); German version EN ISO 2477:2025

**DIN EN ISO 17831-2**

Solid biofuels - Determination of mechanical durability of pellets and briquettes - Part 2:

Briquettes (ISO 17831-2:2025); German version EN ISO 17831-2:2025

**DIN EN 14180**

Sterilizers for medical purposes - Low temperature steam and formaldehyde sterilizers - Requirements and testing; German version EN 14180:2025

**DIN EN ISO 17236**

Leather - Physical and mechanical tests - Determination of extension set (ISO 17236:2025); German version EN ISO 17236:2025

**DIN EN 1083-2**

Power-driven brushes - Part 2: Safety requirements; German version EN 1083-2:2024

**DIN EN ISO 16610-31**

Geometrical product specifications (GPS) - Filtration - Part 31: Robust profile filters: Gaussian regression filters (ISO 16610-31:2025); German version EN ISO 16610-31:2025

**DIN EN ISO 5463**

Geometrical product specifications (GPS) - Rotary axis form-measuring instruments - Design and metrological characteristics (ISO 5463:2024); German version EN ISO 5463:2024

**DIN EN ISO 17635**

Non-destructive testing of welds - General rules for metallic materials

(ISO 17635:2025); German version EN ISO 17635:2025

**DIN EN ISO 16610-21**

Geometrical product specifications (GPS) - Filtration - Part 21: Linear profile filters:

Gaussian filters (ISO 16610-21:2025); German version EN ISO 16610-21:2025

**DIN EN ISO 9073-6**

Nonwovens - Test methods - Part 6: Absorption (ISO 9073-6:2025); German version EN ISO 9073-6:2025

**DIN EN 16211**

Ventilation for buildings - Measurement of air flow rates on site - Methods; German version EN 16211:2024

**DIN EN ISO 22329**

Security and resilience - Emergency management - Guidelines for the use of social media in emergencies (ISO 22329:2021); German version EN ISO 22329:2025

**DIN EN 415-8**

Safety of packaging machines - Part 8: Strapping machines; German version EN 415-8:2025

**DIN EN ISO 11816-2**

Milk and milk products - Determination of alkaline phosphatase activity - Part 2: Fluorimetric method for cheese (ISO 11816-2:2024); German version

**DIN EN ISO 8655-7**

Piston-operated volumetric apparatus - Part 7: Alternative measurement procedures for the determination of volume (ISO 8655-7:2022, Corrected version 2023-01 +

Amd 1:2024); German version EN ISO 8655-7:2022 + A1:2024

**DIN EN 71-2**

Safety of toys - Part 2: Flammability; German version EN 71-2:2020+A1:2025

**DIN EN 88-2**

Safety and control devices for gas burners and gas burning appliances - Part 2: Pressure regulators for inlet pressures above 50 kPa up to and including 500 kPa; German version EN 88-2:2022+A1:2024

**DIN EN ISO 22739**

Blockchain and distributed ledger technologies - Vocabulary (ISO 22739:2024); German version EN ISO 22739:2025

**DIN EN ISO 16047**

Fasteners - Torque/clamp force testing (ISO 16047:2005 + Amd 1:2012); German version EN ISO 16047:2005 + A1:2012

**DIN EN ISO 26304**

Welding consumables - Solid wire electrodes, tubular cored electrodes and electrode-flux combinations for submerged arc welding of high strength steels - Classification (ISO 26304:2025); German version

EN ISO 26304:2025

**DIN EN 13565-1**

Fixed firefighting systems - Foam systems - Part 1: Requirements and test methods for components; German version EN 13565-1:2019+A1:2025

**DIN EN ISO 8407**

Corrosion of metals and alloys - Removal of corrosion products from corrosion test specimens

<p>(ISO 8407:2021 + Amd 1:2025); German version EN ISO 8407:2021 + A1:2025 <b>DIN EN ISO 17633</b> Welding consumables - Tubular cored electrodes and rods for gas shielded and non-gas shielded metal arc welding of stainless and heat-resisting steels - Classification (ISO 17633:2025); German version EN ISO 17633:2025 <b>DIN EN 4500-003</b> Aerospace series - Metallic materials - Rules for drafting and presentation of material standards - Part 003: Specific rules for heat resisting alloys; German and English version EN 4500-003:2024 <b>DIN EN 88-3</b> Safety and control devices for gas burners and gas burning appliances - Part 3: Pressure and/or flow rate regulators for inlet pressures up to and including 500 kPa, electronic types; German version EN 88-3:2022+A1:2024 <b>DIN EN 4500-004</b> Aerospace series - Metallic materials - Rules for drafting and presentation of material standards - Part 004: Specific rules for titanium and titanium alloys; German and English version EN 4500-004:2024 <b>DIN EN 1366-3</b> Fire resistance tests for service installations - Part 3: Penetration seals; German version EN 1366-3:2021+A1:2024 <b>DIN EN 4500-004</b></p>	<p>Aerospace series - Metallic materials - Rules for drafting and presentation of material standards - Part 004: Specific rules for titanium and titanium alloys; German and English version EN 4500-004:2024 <b>DIN EN 4500-005</b> Aerospace series - Metallic materials - Rules for drafting and presentation of material standards - Part 005: Specific rules for steels; German and English version EN 4500-005:2024 <b>DIN EN 61709</b> Electric components - Reliability - Reference conditions for failure rates and stress models for conversion (IEC 61709:2017 + COR1:2019); German version EN 61709:2017 + AC:2019 <b>DIN EN ISO 5667-1</b> Water quality - Sampling - Part 1: Guidance on the design of sampling programmes and sampling techniques (ISO 5667-1:2023); German version EN ISO 5667-1:2023 <b>DIN EN 4500-002</b> Aerospace series - Metallic materials - Rules for drafting and presentation of material standards - Part 002: Specific rules for aluminium, aluminium alloys and magnesium alloys; German and English version EN 4500-002:2024 <b>DIN EN 4500-001</b> Aerospace series - Metallic materials - Rules for drafting and presentation of material standards - Part 001: General</p>	<p>rules; German and English version EN 4500-001:2024 <b>DIN EN ISO 19116</b> Geographic information - Positioning services (ISO 19116:2025); English version EN ISO 19116:2025 <b>VDI 2016 Blatt 2</b> Strength verification of technical molded parts made of thermoplastics - Strength verification against static loads</p> <p><b>❖ <u>Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)</u></b></p> <p><b>UL 8 Edition 7, 2025</b> Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers <b>UL 44 Edition 19, 2025</b> Thermoset-Insulated Wires and Cables <b>UL 67 Edition 13, 2025</b> Standard for Panelboards <b>UL 83 Edition 16, 2025</b> Thermoplastic-Insulated Wires and Cables <b>UL 96 Edition 7, 2025</b> Lightning Protection Components <b>UL 162 Edition 8, 2025</b> Standard for Foam Equipment and Liquid Concentrates <b>UL 183 Edition 4, 2025</b> Standard for Manufactured Wiring Systems <b>UL 207 Edition 9, 2025</b> Refrigerant-Containing Components and Accessories, Nonelectrical <b>UL 244B Edition 1, 2025</b> Standard for Field Installed and/or Field Connected Appliance Controls</p>
--	--	--

<b>UL 248-1 Edition 4, 2025</b> Low-Voltage Fuses - Part 1: General Requirements	Grounding and Bonding Equipment	Evaluation of Sustainable Polymeric Materials for use in Electrical Equipment
<b>UL 248-8 Edition 3</b> Low-Voltage Fuses - Part 8: Class J Fuses	<b>UL 489B Edition 1, 2025</b> Molded-Case Circuit Breakers, Molded-Case Switches, and Circuit-Breaker Enclosures For Use With Photovoltaic (PV) Systems	<b>UL 810B Edition 2, 2025</b> DC Power Capacitors
<b>UL 248-9 Edition 2, 2025</b> Standard for Low-Voltage Fuses - Part 9: Class K Fuses	<b>UL 489I Edition 1, 2025</b> Outline of Investigation for Solid State Molded-Case Circuit Breakers	<b>UL 814 Edition 12, 2025</b> Gas-Tube-Sign Cable
<b>UL 248-10 Edition 3, 2025</b> Low-Voltage Fuses - Part 10: Class L Fuses	<b>UL 499 Edition 14, 2025</b> Standard for Electric Heating Appliances	<b>UL 817 Edition 13, 2025</b> Cord Sets and Power-Supply Cords
<b>UL 248-11 Edition 3, 2025</b> Low-Voltage Fuses - Part 11: Plug Fuses	<b>UL 508K Edition 1, 2025</b> Outline of Investigation for Load and Source Connector Type Manual Motor Controllers	<b>UL 854 Edition 12, 2025</b> Standard for Service-Entrance Cables
<b>UL 248-14 Edition 2, 2025</b> Standard for Low-Voltage Fuses - Part 14: Supplemental Fuses	<b>UL 514C Edition 4, 2025</b> Standard for Nonmetallic Outlet Boxes, Flush-Device Boxes, and Covers	<b>UL 858 Edition 16, 2025</b> Standard for Household Electric Ranges
<b>UL 263 Edition 14, 2025</b> Standard for Fire Tests of Building Construction and Materials	<b>UL 583 Edition 11, 2025</b> Electric-Battery-Powered Industrial Trucks	<b>UL 869A Edition 4, 2025</b> Reference Standard for Service Equipment
<b>UL 268A Edition 4, 2025</b> Standard for Smoke Detectors for Duct Application	<b>UL 626 Edition 8, 2025</b> Water Fire Extinguishers	<b>UL 943 Edition 5, 2025</b> Standard for Ground-Fault Circuit-Interrupters
<b>UL 360 Edition 7, 2025</b> Standard for Liquid-Tight Flexible Metal Conduit	<b>UL 634 Edition 9, 2025</b> Standard for Connectors and Switches for Use with Burglar- Alarm Systems	<b>UL 962A Edition 6, 2025</b> Furniture Power Distribution Units
<b>UL 428A Edition 2, 2025</b> Standard for Electrically Operated Valves for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations Up to 85 Percent (E0 - E85)	<b>UL 651 Edition 8, 2025</b> Standard for Schedule 40 and 80 Rigid PVC Conduit and Fittings	<b>UL 969 Edition 6, 2025</b> Standard for Marking and Labeling Systems
<b>UL 428B Edition 2, 2025</b> Standard for Electrically Operated Valves for Diesel Fuel, Biodiesel Fuel, Diesel/Biodiesel Blends with Nominal Biodiesel Concentrations Up To 20 Percent (B20), Kerosene, and Fuel Oil	<b>UL 681 Edition 15, 2025</b> Standard for Installation and Classification of Burglar and Holdup Alarm Systems	<b>UL 972 Edition 6, 2025</b> Standard for Burglary Resisting Glazing Material
<b>UL 467 Edition 11, 2025</b>	<b>UL 697 Edition 7, 2025</b> Standard for Toy Transformers	<b>UL 1004-9 Edition 1, 2025</b> Form Wound and Medium Voltage Rotating Electrical Machines
	<b>UL 746S Edition 1, 2025</b>	<b>UL 1012 Edition 8, 2025</b> Standard for Power Units Other Than Class 2
		<b>UL 1026 Edition 6, 2025</b> Standard for Electric Household Cooking and Food Serving Appliances
		<b>UL 1062 Edition 3, 2025</b> Standard for Unit Substations
		<b>UL 1081 Edition 7, 2025</b>

Standard for Swimming Pool Pumps, Filters, and Chlorinators <b>UL 1236 Edition 8, 2025</b>	2 and Zone 22 Hazardous (Classified) Locations <b>UL 1838 Edition 3, 2025</b>	<b>UL 2849 Edition 1, 2025</b> Electrical Systems for eBikes
Standard for Battery Chargers for Charging Engine-Starter Batteries <b>UL 1247 Edition 6, 2025</b>	Standard for Low Voltage Landscape Lighting Systems <b>UL 2017 Edition 2, 2025</b>	<b>UL 3703 Edition 1, 2025</b> Standard for Solar Trackers
Diesel Engines for Driving Stationary Fire Pumps <b>UL 1323 Edition 4, 2025</b>	Standard for General-Purpose Signaling Devices and Systems <b>UL 2040 Edition 2, 2025</b>	<b>UL 3741 Edition 1, 2025</b> ANSI/CAN/UL Photovoltaic Hazard Control
Standard for Scaffold Hoists <b>UL 1386 Edition 2, 2025</b>	Standard for Folding Rollaway Tables <b>UL 2112 Edition 1, 2025</b>	<b>UL 4200A Edition 1, 2025</b> Standard for Safety for Products Incorporating Button Batteries or Coin Cell Batteries
Outline of Investigation for Flexible Bus Systems <b>UL 1395 Edition 1, 2025</b>	Subject for Venting Systems for Use with Gas-Fired Vent Appliances <b>UL 2129 Edition 3, 2025</b>	<b>UL 6141 Edition 1, 2025</b> Standard for Wind Turbines Permitting Entry of Personnel
Transients Test Method <b>UL 1439 Edition 5, 2025</b>	Halocarbon Clean Agent Fire Extinguishers <b>UL 2252 Edition 1, 2025</b>	<b>UL 6142 Edition 1, 2025</b> Small Wind Turbine Systems
Standard for Tests for Sharpness of Edges on Equipment <b>UL 1469 Edition 2, 2025</b>	Adapters for Use with Electric Vehicle Couplers <b>UL 2255 Edition 3, 2025</b>	<b>UL 121201 Edition 9, 2025</b> Nonincendive Electrical Equipment for Use in Class I and II, Division 2 and Class III, Divisions 1 and 2 Hazardous (Classified) Locations
Standard for Strength of Body and Hydraulic Pressure Loss Testing of Backflow Special Check Valves <b>UL 1650 Edition 1, 2025</b>	Receptacle Closures <b>UL 2367 Edition 2, 2025</b>	<b>UL 12402- 5 Edition 1, 2025</b> Personal Flotation Devices - Part 5: Buoyancy Aids (Level 50) - Safety Requirements
Portable Power Cable <b>UL 1659 Edition 3, 2025</b>	Solid State Overcurrent Protectors <b>UL 2416 Edition 1, 2025</b>	<b>UL 61010- 2-030 Edition 3, 2025</b> Standard for Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-030: Particular Requirements for Equipment Having Testing or Measuring Circuits
Standard for Attachment Plug Blades for Use in Cord Sets and Power-Supply Cords <b>UL 1682 Edition 5, 2025</b>	Audio/Video, Information and Communication Technology Equipment Cabinet, Enclosure and Rack Systems <b>UL 2443 Edition 5, 2025</b>	<b>UL 61058- 1-2 Edition 1, 2025</b> Switches for Appliances - Part 1-2: Requirements for Electronic Switches
Plugs, Receptacles, and Cable Connectors of the Pin and Sleeve Type <b>UL 1685 Edition 5, 2025</b>	Flexible Sprinkler Hose with Fittings for Fire Protection Service <b>UL 2460 Edition 1, 2025</b>	<b>UL 61215- 1-1 Edition 2, 2025</b> Terrestrial Photovoltaic (PV) Modules - Design Qualification and Type Approval - Part 1-1: Special Requirements for Testing of Crystalline Silicon Photovoltaic (PV) Modules
Vertical-Tray Fire-Propagation and Smoke-Release Test for Electrical and Optical-Fiber Cables <b>UL 1740 Edition 4, 2025</b>	Nonshielded Cable <b>UL 2580 Edition 3, 2025</b>	<b>UL 61215- 2 Edition 2, 2025</b>
Standard for Robots and Robotic Equipment <b>UL 1836 Edition 5, 2025</b>	Batteries for Use In Electric Vehicles <b>UL 2684 Edition 1, 2025</b>	
Outline of Investigation for Electric Motors and Generators for Use in Class I, Division 2, Class I, Zone 2, Class II, Division	Video and Thermal Image Detectors for Fire Alarm Systems <b>UL 2735 Edition 2, 2025</b>	
	Electric Utility Meters <b>UL 2800-1 Edition 2, 2025</b>	
	Medical Device Interoperability	

<p>Terrestrial Photovoltaic (PV) Modules - Design Qualification and Type Approval - Part 2: Test Procedures <b>UL 62368- 1 Edition 4, 2025</b> Standard for Audio/Video, Information and Communication Technology Equipment - Part 1: Safety Requirements <b>UL 62841- 2-6 Edition 1, 2025</b> Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools and Lawn and Garden Machinery - Safety - Part 2-6 Particular Requirements for Hand-Held Hammers <b>UL 62841- 2-12 Edition 1, 2025</b> Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-12 Particular Requirements for Hand-Held Concrete Vibrators <b>UL 62841- 2-18 Edition 1, 2025</b> Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-18 Particular Requirements for Hand-Held Strapping Tools <b>UL 62841- 2-19 Edition 1, 2025</b> Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-19 Particular Requirements for Hand-Held Jointers <b>UL 62841- 3-3 Edition 1, 2025</b></p>	<p>Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 3-3 Particular Requirements for Transportable Planers and Thicknessers <b>UL 62841- 3-15 Edition 1, 2025</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-15: Particular requirements for transportable magnetic drills <b>UL 62091 Edition 1, 2025</b> Standard for Low-Voltage Switchgear and Controlgear-Controllers for Drivers of Stationary Fire Pumps <b>ULE 10010- 13 Edition 2, 2025</b> Product Category Rules for Building-Related Products and Services Part B: Builders Hardware EPD Requirements <b>ULC 104 Edition 4, 2025</b> Standard Method for Fire Tests of Door Assemblies <b>ULC 106 Edition 3, 2025</b> Standard Method for Fire Tests of Window and Glass Block Assemblies <b>ULC 129 Edition 4, 2025</b> Standard Method of Test for Smoulder Resistance of Insulation (Basket Method) <b>ULC 507 Edition 4, 2025</b> Standard for Water Fire Extinguishers <b>ULC 536 Edition 6, 2025</b> Standard for Inspection and Testing of Fire Alarm Systems</p>	<p><b>ULC 537 Edition 6, 2025</b> Verification of Fire Alarm Systems <b>ULC 548 Edition 4, 2025</b> Standard for Devices and Accessories for Water Type Extinguishing Systems <b>ULC 554 Edition 3, 2025</b> Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers <b>ULC 566 Edition 2, 2025</b> Standard for Halocarbon Clean Agent Fire Extinguishers <b>ULC 639 Edition 3, 2025</b> Standard for Steel Liner Assemblies for Solid-Fuel Burning Masonry Fireplaces <b>ULC 706.1 Edition 4, 2025</b> Standard for Insulating Wood Fibre Boards for Buildings <b>ULC 712.2 Edition 2, 2025</b> Standard for Thermal Insulation - Light Density, Open Cell Spray Applied Semi-Rigid Polyurethane Foam - Installation <b>ULC 743.2 Edition 1, 2025</b> Standard for Thermal Insulation - Low Pressure Applied Two Component Spray Polyurethane Foam, Part 2: Installation <b>ULC 1001 Edition 1, 2025</b> Standard for Integrated Systems Testing of Fire Protection and Life Safety Systems <b>ULC 1395 Edition 1, 2025</b> Transients Test Method <b>ULC 2443 Edition 5, 2025</b> Flexible Sprinkler Hose with Fittings for Fire Protection Service</p>
---	---	--

**Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn**